

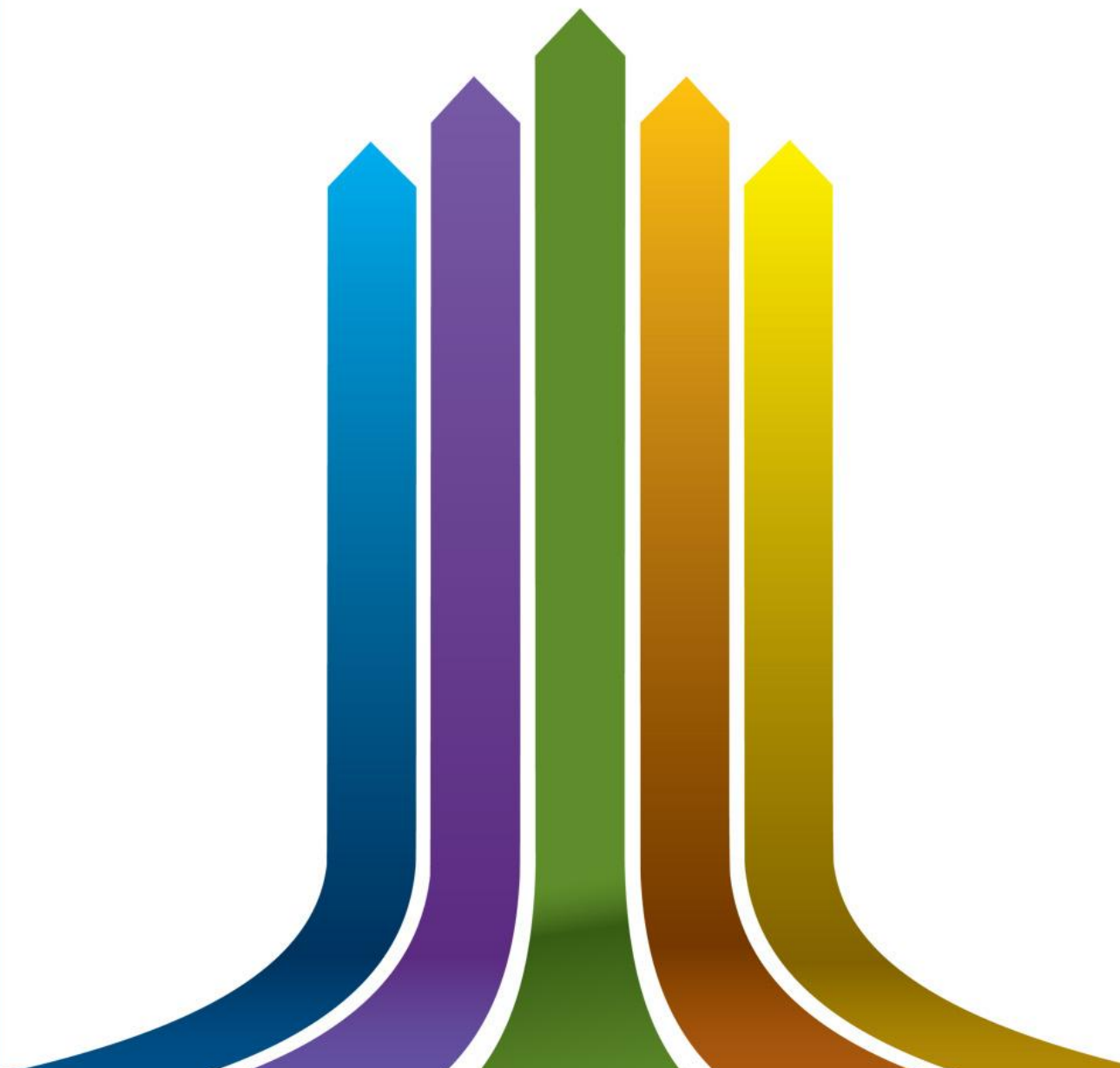


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Tòa nhà MB, số 03 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 (04) 3726 2600 * Fax: +84 (04) 3726 2601
Website: <https://www.mbs.com.vn/>





MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT MBS.....	3
I. GIỚI THIỆU CÔNG TY	7
1. Thông tin khái quát	
2. Các mốc sự kiện quan trọng	
3. Giá trị cốt lõi	
4. Các mảng dịch vụ chính	
5. Định hướng phát triển	
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014.....	21
1. Tình hình hoạt động kinh doanh	
2. Tổ chức và nhân sự	
3. Tình hình tài chính	
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	
III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	37
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	41
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	45
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	55
1. Ý kiến kiểm toán	
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	
3. Thuyết minh báo cáo tài chính	
VII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG.....	115

Kính thưa các quý vị!

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu.

Đối với TTCK VN mặc dù xen kẽ trong năm có những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng như tình hình căng thẳng tại Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ nhưng xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch thì thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm. Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức điểm 640,75 (ngày 3/9) sau gần 6 năm đạt được, trong khi chỉ số HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức điểm 92,99 (ngày 24/3) sau đúng 3 năm. Kết thúc năm, chỉ số VN-Index là 545.63 điểm, tăng gần 10% so với năm 2013. Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 1.164 nghìn tỷ đồng, tăng 90% so với năm 2013; giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 5.448 tỷ đồng.

Trong bối cảnh vẫn còn những yếu tố bất ổn đan xen, MBS với những bước đi vững chắc đã và đang khẳng định vị thế của mình trên thị trường cũng như không phụ sự tin cậy của các quý vị cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng. Với sự nỗ lực của toàn thể CBNV, sự hỗ trợ to lớn của MB, vượt lên những biến động và rủi ro của thị trường năm 2014, MBS đã đạt được một số thành công nhất định: MBS

tiếp tục duy trì được xếp vào hàng ngũ 10 Công ty đầu ngành và hiện tại MBS đang đứng thứ 6 trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất tại sàn HSX. Trong năm 2014 MBS cũng tự hào được "Diễn đàn M&A Việt Nam" bình chọn và vinh danh "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu". Lợi nhuận đạt 72.73 tỷ đồng hoàn thành 139,06% kế hoạch và tăng 253,92% so với năm 2013. Kết thúc năm tài chính 2014 tổng tài sản của MBS đạt hơn 2.650 tỷ đồng.

Với mục tiêu phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững chúng tôi đang và sẽ tăng cường công tác kiểm soát chi phí, đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Năm 2014 trong bối cảnh thị trường có những biến động mạnh đan xen MBS tự hào đã kiểm soát tốt không phát sinh nợ xấu. Chúng tôi cũng chuẩn bị cho tương lai bằng việc hoàn thành việc xây dựng "Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn 2025" với các mô hình kinh doanh chuyên biệt cho khách hàng cá nhân, tổ chức, dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB).

Sự hài lòng của khách hàng là thành công của chúng tôi. Nhận thức được điều đó chúng tôi tiếp tục đầu tư chiều sâu, tối ưu hóa nghiệp vụ môi giới, đồng thời luôn gần gũi, lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư nguyện vọng của khách hàng. Trong năm 2014 MBS đã tổ chức 4 buổi hội thảo MBS'talk tại hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh để đưa ra những nhận định và cơ hội đầu tư cho quý khách hàng. MBS cũng là Công ty chứng khoán đầu tiên tổ chức khóa đào tạo các kiến thức; kỹ năng đầu tư chứng khoán để hỗ trợ quý khách hàng và đã nhận được sự quan tâm đông đảo của quý khách hàng/đối tác của Công ty.

Chúng tôi cũng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đời sống CBNV, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc Tập đoàn Ngân hàng quân đội, chú trọng xây dựng và thu hút đội ngũ nhân sự giỏi, kiện toàn tổ chức và nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó, quyết tâm cao của đội ngũ CBNV công ty.

Để có được thành tích như hôm nay, ngay sau hợp nhất thành công, chúng tôi đã xác định "phát triển bền vững – an toàn – hiệu quả" là định hướng phát triển của MBS. Với quyết tâm cao, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã bám sát tình hình thị trường, đưa ra các giải pháp linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động, phát triển kinh doanh mạnh mẽ, quản trị rủi ro an toàn và tuân thủ các quy định của pháp luật.



Năm 2015 được đánh giá là năm mà thế giới vẫn còn nhiều bất ổn về chính trị, giá dầu thô giảm liên tục và biến động khó lường. Kinh tế Việt Nam năm 2015 có khả năng đạt mức tăng trưởng từ 6%-6.2% nhờ Chính phủ tiếp tục thúc đẩy việc cải thiện môi trường kinh doanh, hay các hiệp định mậu dịch tự do đang đàm phán sẽ được hoàn thành vào giữa năm 2015. Điều này sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư và mở rộng thị trường xuất khẩu, qua đó thúc đẩy tăng trưởng. Triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế được duy trì sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của TTCK.

Với MBS, năm 2015 là năm đầu tiên của Chiến lược giai đoạn 2015-2020, với phương châm tăng trưởng xuyên suốt của MBS là "Nhanh, Khác biệt, Bền vững" và khát vọng MBS nằm trong top 3 thị trường về dịch vụ môi giới và Top 5 thị phần dịch vụ IB vào năm 2020, Chúng tôi sẽ triển khai hàng loạt giải pháp chiến lược, chú trọng phát huy thế mạnh của những sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ hiện có đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

Năm 2015 với những dự báo thị trường có rất nhiều khó khăn thử thách Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và tất cả CBNV MBS xác định cần tiếp tục nỗ lực và nỗ lực hơn nữa, không chùn bước trước khó khăn phía trước, tập hợp sức mạnh tập thể để tạo động lực cho giai đoạn phát triển mới 2015-2020. Với phương châm "hoàn thành tái cấu trúc, đột phá chiến lược, phát triển bền vững" MBS đang từng bước cố gắng tiến tới khẳng định vị trí chắc chắn trong Top 3 những Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất của Việt Nam.

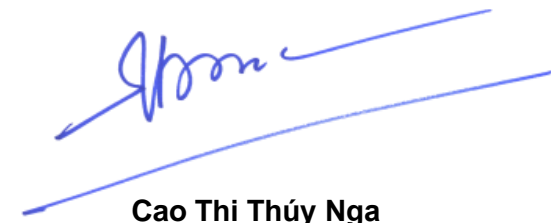
Với mong muốn là Công ty chứng khoán có dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân, chuyên nghiệp nhất trong các nhà cung cấp dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam, là người bạn tin cậy của quý khách hàng, đối tác và cổ đông. MBS tiếp tục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn. Chính sự tin tưởng, ủng hộ của quý vị là nguồn cổ vũ, là động lực mạnh mẽ để MBS nỗ lực và quyết tâm hoàn thành kế hoạch 2015 cũng như mục tiêu phát triển trong thời gian tới.

MBS cam kết nỗ lực hơn nữa, sáng tạo hơn nữa để mang lại hiệu quả cao hơn cho công ty, mang lại lợi ích cho quý Cổ động, quý khách hàng, quý đối tác, đồng thời tiếp tục đóng góp cho sự phát triển chung của Thị trường chứng khoán Việt nam và cộng đồng xã hội.

Thay mặt HĐQT MBS, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới UBCK, ngân hàng MB và các công ty thành viên; các cơ quan hữu quan, các quý vị cổ đông, các đối tác đã luôn ủng hộ, giúp đỡ, gắn bó, đồng hành cùng MBS, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên công ty vì những đóng góp tận tụy, sáng tạo và nỗ lực của các bạn để đưa MBS vượt qua những khó khăn thử thách, đưa công ty phát triển mạnh mẽ hơn; hy vọng sẽ tiếp tục nhận được ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.



Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Cao Thị Thúy Nga

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau 15 năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu và đã có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển cho ngành chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung. Trong hai năm liên tiếp 2009 và 2010, MBS đã vươn lên dẫn đầu thị phần môi giới tại cả hai sở giao dịch: Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Sở GDCK TP. HCM (HOSE) và liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai sở.

Với thế mạnh là công ty thành viên của Tập đoàn MB, được MB hỗ trợ mạnh mẽ về nhiều mặt từ nhân sự, tài chính, công nghệ... MBS đã liên tục vươn lên đạt các mốc phát triển mới cả về quy mô và nghiệp vụ. Hiện nay, MBS tập trung phát triển hai mảng hoạt động chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ ngân hàng đầu tư được hỗ trợ bởi hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu.

Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm. MBS đã thu hút và phát triển được một đội ngũ nhân sự năng động trong đó có hàng chục chuyên gia phân tích và hàng trăm chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân và tổ chức được đào tạo bài bản, có tư cách đạo đức tốt, không ngừng phấn đấu để cung cấp dịch vụ và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.



Making Private Business Solution - Giải pháp kinh doanh chuyên biệt



- Nền tảng khách hàng lớn;
- Nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm quốc tế và kỹ thuật cao;
- Dịch vụ tài chính đa dạng, linh hoạt và an toàn;
- Công nghệ đồng bộ, hiện đại;
- Tính chuyên nghiệp và chăm sóc khách hàng tốt; và
- Chi phí thấp.

CÁC MỐC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

- | | |
|-----------------|--|
| Năm 2000 | <ul style="list-style-type: none"> • Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội với vốn điều lệ 9 tỷ đồng |
| Năm 2003 | <ul style="list-style-type: none"> • Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ đồng • Khai trương Chi nhánh tại TP. HCM |
| Năm 2006 | <ul style="list-style-type: none"> • Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng |
| Năm 2007 | <ul style="list-style-type: none"> • Cổ phần hóa • Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng |
| Năm 2008 | <ul style="list-style-type: none"> • Tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ đồng |
| Năm 2009 | <ul style="list-style-type: none"> • Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng • Khai trương Chi nhánh Hải Phòng • Trở thành công ty chứng khoán có vị trí thị phần môi giới số 1 tại cả hai sở giao dịch HNX và HSX |
| Năm 2010 | <ul style="list-style-type: none"> • Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng • Trở thành công ty chứng khoán có vị trí thị phần môi giới số 1 tại cả hai sở giao dịch HNX và HSX |
| Năm 2012 | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) • Chuyển trụ sở chính về Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội • Thay đổi logo và Hệ thống nhận diện mới |
| Năm 2013 | <ul style="list-style-type: none"> • Hợp nhất với Công ty CP Chứng khoán VIT thành Công ty hợp nhất với tên gọi Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) • Tăng vốn điều lệ lên hơn 1.221 tỷ đồng |
| Năm 2014 | <ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng thương vụ Hợp nhất tiêu biểu và Giải thưởng CTCK Tư vấn M&A tiêu biểu tại Diễn đàn M&A 2014. |

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sáng tạo đi kèm thực tiễn

Thực tiễn là nơi kiểm nghiệm các sáng tạo của MBS. MBS tập trung sáng tạo từ những thứ nhỏ nhất để tạo ra các giải pháp riêng có cho từng khách hàng, từng dịch vụ, từng quy trình và công việc.

Do đó tại MBS sự sáng tạo là việc tìm ra và áp dụng những giải pháp mới tốt hơn, hiệu quả hơn cho tổ chức và khách hàng.

MBS sáng tạo từ việc liên tục học tập, lắng nghe, tìm hiểu và áp dụng tất cả những thay đổi phù hợp dù là nhỏ nhất để hướng tới phục vụ khách hàng với các giải pháp tối ưu hơn cho riêng họ.

Tôn trọng và học tập

Tại MBS, chúng ta luôn luôn tôn trọng các ý tưởng sáng tạo, các ý kiến, đóng góp của từng cá nhân và đặc biệt là từ khách hàng tới mọi con người tại MBS đều có trách nhiệm ngay lập tức đáp ứng các nhu cầu khác biệt của từng khách hàng và coi đó là Giá trị lớn nhất, là Sự khác biệt mà MBS mang lại cho khách hàng.

Tôn trọng là lắng nghe và hỏi các câu hỏi để hiểu thật thấu đáo các ý kiến của đồng nghiệp và khách hàng, từ đó nhanh chóng giúp đỡ và thực hiện các yêu cầu của họ.

MBS coi học tập **lớn nhất là từ khách hàng và từ việc giải các bài toán từ những yêu cầu khác nhau của khách hàng.**

Mẫn cán

Để thành công và được khách hàng và đối tác tin cậy và lựa chọn, Người MBS cần phải làm việc mẫn cán tức là chủ động làm việc, luôn nghĩ ra cách thực hiện công việc tốt hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn.

MBS đồng thời duy trì kỷ luật cao để triển khai nhanh, nhất quán các quy trình công việc, ý tưởng sáng tạo và các cam kết, đặc biệt là các cam kết liên quan đến an toàn tài chính với khách hàng và nhân viên MBS.

Tinh thần đồng đội

Một tổ chức một mục tiêu - không có một cá nhân nào là quá quan trọng tại MBS.

Để thống nhất mục tiêu, hành động, các cán bộ quản lý MBS cần là những người nắm bắt được chiến lược của công ty, biết giao việc theo tiêu chuẩn SMART, định hướng cách giải quyết công việc và giám sát kết quả của các công việc đó.

Trách nhiệm và phát triển cộng đồng

MBS cam kết chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và lợi nhuận cho cộng đồng xã hội, giúp tạo ra một thị trường vốn phục vụ hiệu quả nhất phát triển kinh tế đất nước, đồng thời mang đến cho các gia đình và doanh nghiệp các giá trị đầu tư và tài chính tối ưu.



TÂM NHÌN

MBS xác định mỗi Khách hàng là một đối tác riêng biệt, có điều kiện tài chính, mục tiêu đầu tư khác nhau và đều hướng đến một sự tăng trưởng tài chính bền vững.

Do đó MBS luôn sáng tạo và nỗ lực không ngừng cùng khách hàng tìm ra các Giải pháp đầu tư và tài chính tối ưu được may đo riêng cho từng gia đình và doanh nghiệp.

Với MBS:

- Khách hàng luôn là trung tâm của mọi hoạt động.
- Nhân lực tại MBS là tài sản quý giá và luôn luôn cần có thử thách.
- Tăng trưởng bền vững là mục tiêu trọng yếu và lâu dài của MBS.

Trên cơ sở đó, MBS phấn đấu trở thành:

- Công ty có dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân.
- Chuyên nghiệp nhất trong các nhà cung cấp dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam

SỨ MỆNH

Sáng tạo và nỗ lực không ngừng để mang đến cơ hội đầu tư và tăng trưởng tài chính cho từng Khách hàng và Đối tác.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

MBS cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tư vấn tài chính đa dạng cho Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức. Các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán cơ bản gồm: mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Các sản phẩm dịch vụ tài chính bao gồm: ứng trước tiền bán, hỗ trợ thanh khoản, ký quỹ và các dịch vụ hỗ trợ tài chính khác.

Các sản phẩm dịch vụ giao dịch điện tử gồm:

STOCK24 Stock24 là sản phẩm **giao dịch trực tuyến** được MBS nghiên cứu và phát triển nhằm cung cấp các tiện ích giao dịch và hỗ trợ tra cứu thông tin cho Khách hàng.

Stock24 là một sản phẩm thân thiện, đơn giản và dễ sử dụng, dành cho mọi đối tượng Khách hàng giao dịch chứng khoán tại MBS. Chỉ cần một máy tính được kết nối Internet, dù ở bất kỳ đâu, Khách hàng truy cập vào địa chỉ <http://stock24.mbs.com.vn> là có thể sử dụng một chuỗi dịch vụ khép kín như giao dịch chứng khoán, giao dịch tiền, quản lý danh mục đầu tư, nhận bản tin chứng khoán và các tác nghiệp khác trên cùng hệ thống.

Đặc biệt, tính đến nay MBS là công ty chứng khoán đầu tiên và duy nhất triển khai dịch vụ tư vấn trực tuyến real time thông qua sản phẩm "Chiến lược đầu tư" trên phần mềm giao dịch trực tuyến. Tùy vào từng "khẩu vị" đầu tư mà Khách hàng lựa chọn, Khách hàng sẽ được tư vấn một số mã chứng khoán với khuyến nghị cụ thể về các vùng giá giao dịch để có quyết định đầu tư phù hợp.

CONTACT24 Contact24 là hệ thống **tổng đài tra cứu thông tin tự động và giao dịch qua điện thoại** của MBS, chỉ một đầu số riêng biệt cho phép khách hàng lựa chọn nhiều tính năng, dịch vụ khác nhau.

Khách hàng có thể gọi đến tổng đài **1900 9088** để:

- Tra cứu thông tin tài khoản tự động, tra cứu số dư, kết quả khớp lệnh trong ngày, thông báo và thông tin thực hiện quyền
- Đổi mật khẩu Contact24 tự động.
- Gặp nhân viên đặt lệnh và tra cứu thông tin tài khoản.
- Yêu cầu hỗ trợ: lấy lại mật khẩu Contact24 tự động, hỗ trợ Stock24, hỗ trợ thông tin khác.

QUOTE24

Quote24 là bảng giá chứng khoán dành cho tất cả các khách hàng có nhu cầu sử dụng tại địa chỉ <http://quote24.mbs.com.vn>, với những tiện ích ưu việt như:

- Tốc độ kết nối và tải dữ liệu nhanh nhất hiện nay;
- Hỗ trợ đồ thị theo dõi biến động chỉ số của 3 sàn HSX/HNX/Upcom;
- Chọn mã chứng khoán nhanh, tạo và chọn danh mục chứng khoán mặc định để "treo" lên đầu bảng giá;
- Tra cứu nhanh thông tin các mã chứng khoán bằng cách click trực tiếp vào mã CK với dữ liệu được cung cấp qua Trang thông tin trực tuyến Search24;
- Theo dõi giá trung bình sàn HNX, room nước ngoài;
- Tích hợp với nhiều trình duyệt thông dụng như Chrome, Firefox, IE, Safari...

Ngoài ra, MBS còn cung cấp bảng giá chứng khoán Quote24Pro dành riêng cho Khách hàng sử dụng Stock24 với nhiều tính năng nâng cao như:

- Tích hợp bảng giá tổng hợp giúp khách hàng lựa chọn các danh mục đầu tư cũng như tự tạo danh mục mặc định với các mã chứng khoán trên HSX, HNX, Upcom để theo dõi trên cùng một màn hình;
- Hỗ trợ theo dõi thông tin chi tiết của một mã chứng khoán: các deal khớp trong phiên, tổng dư mua, tổng dư bán, đồ thị khớp lệnh;
- Kết nối trực tiếp với Stock24, giúp khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

OPEN24

Open24 là dịch vụ **mở tài khoản trực tuyến** áp dụng cho Khách hàng cá nhân trong nước muốn mở tài khoản trực tuyến tại MBS. Quý khách dễ dàng hoàn tất việc khai báo thông tin Online chỉ trong 1 bước thông qua trang web Open24 tại địa chỉ:

<http://open24.mbs.com.vn/Presentation/Welcome.aspx>. Sau khi hoàn tất việc khai báo thông tin mở tài khoản, Quý khách in 02 bộ hồ sơ và mang tới các **Điểm giao dịch trực tuyến** hoặc Chi nhánh/ PGD của MBS để được kích hoạt tài khoản.

Mở tài khoản tại MBS, Khách hàng có thể sử dụng các dịch vụ Giao dịch chứng khoán, Giao dịch tiền, Quản lý tài khoản qua kênh giao dịch trực tuyến **Stock24**, qua tổng đài **Contact24** hoặc trực tiếp tại các sàn giao dịch.

SMS24

MBS cung cấp dịch vụ thông báo kết quả khớp lệnh, tra cứu kết quả khớp lệnh và tra cứu số dư tài khoản, tra cứu thông tin thị trường và thông tin chứng khoán qua tin nhắn SMS.

Bên cạnh đó, tận dụng lợi thế của Ngân hàng mẹ với tệp khách hàng lớn, MBS đã triển khai phối hợp bán chéo sản phẩm/dịch vụ với MB và các công ty con trong hệ thống. Khách hàng của MBS đều được hưởng ưu đãi khi sử dụng dịch vụ của MB. Đặc biệt, khi mở tài khoản tại MB, khách hàng của MBS có thể thực hiện tách bạch tiền từ tài khoản chứng khoán sang tài khoản ngân hàng và chuyển tiền nhanh chóng giữa hai tài khoản bất cứ lúc nào. Điều này đảm bảo sự an toàn tài sản của khách hàng cũng như nâng cao uy tín của công ty chứng khoán mà chỉ số ít công ty chứng khoán như MBS đã sớm triển khai từ đầu năm 2012.

DỊCH VỤ NGHIÊN CỨU

Là một thể thống nhất, hoạt động của các bộ phận trong Trung tâm Nghiên cứu MBS có tính tương hỗ rất cao, các nghiệp vụ được triển khai trên cơ sở cách tiếp cận từ trên xuống, từ vĩ mô tới vi mô (TOP – DOWN), sản phẩm của các bộ phận luôn là một phần trong sản phẩm tổng thể của Trung tâm Nghiên cứu.

Mảng Kinh tế vĩ mô: Hai sản phẩm Nghiên cứu kinh tế - **VietnamOutlook** và Thị trường trái phiếu - **Fixed Income** được phát hành định kỳ và gửi trực tiếp cho Khách hàng đảm bảo đưa ra các phân tích và cập nhật nhanh nhất, đầy đủ nhất các diễn biến của nền kinh tế Việt Nam. Các phân tích và đánh giá chung về kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ đã hỗ trợ tích cực cho quá trình ra quyết định đầu tư của Khách hàng qua đó gia tăng hiệu quả trong hoạt động đầu tư.

Mảng kinh tế ngành và doanh nghiệp (Equity Research) đã đưa ra hệ thống sản phẩm gồm các Báo cáo phân tích cổ phiếu và Bản tin ngày được thiết kế riêng cho nhà đầu tư tổ chức.

Mảng Chiến lược thị trường: Với hoạt động bám sát thị trường và đưa ra các khuyến nghị liên tục, ngoài việc đưa ra nhận định chung về thị trường, CLTT cũng bám sát dòng vốn nước ngoài cũng như các hoạt động cơ cấu của các quỹ ETF nhằm đưa ra các cảnh báo cho Nhà đầu tư cũng như Broker của MBS. Bộ phận Chiến lược thị trường còn thường xuyên gắn bó với Khách hàng MBS thông qua chuỗi Hội thảo định kỳ MBS's Talk với nội dung phân tích, tình hình kinh tế vĩ mô, nhận định diễn biến thị trường chứng khoán đồng thời đưa ra những khuyến nghị cụ thể với những ngành hoặc mã chứng khoán có tiềm năng.

Mảng Cơ sở dữ liệu: liên tục thu thập, nâng cao khả năng sử dụng các công cụ cung cấp dữ liệu phục vụ cho các sản phẩm chung của Trung tâm Nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư được MBS rất chú trọng phát triển bao gồm:

- **Tư vấn phát hành cổ phiếu (ECM):** MBS tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục và yêu cầu pháp lý trong việc phát hành các sản phẩm chứng khoán có tính chất cổ phiếu như cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi và trái phiếu chuyển đổi. Là một trong số ít các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn tại Việt Nam, MBS đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân đa dạng, tạo nên lợi thế để MBS giúp khách hàng huy động vốn thành công thông qua chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng. MBS cũng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành để đảm bảo đợt phát hành của khách hàng diễn ra thành công với một mức giá được hai bên thỏa thuận trước.
- **Tư vấn trái phiếu (DCM):** MBS tư vấn cho khách hàng các phương án, thủ tục và yêu cầu pháp lý trong việc phát hành các công cụ nợ như trái phiếu doanh nghiệp. MBS có một mạng lưới khách hàng tổ chức đa dạng như các ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm và các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, tạo nên lợi thế để MBS giúp khách hàng huy động vốn thành công thông qua chào bán riêng lẻ hoặc công khai. MBS cũng cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành để đảm bảo đợt phát hành của khách hàng diễn ra thành công với một mức chi phí huy động vốn hợp lý.
- **Tư vấn M&A:** Dịch vụ tư vấn M&A của MBS giúp khách hàng (bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai) trong việc tìm kiếm đối tác phù hợp nhất, kết nối bên mua và bên bán trên tinh thần đôi bên cùng có lợi. MBS cung cấp các dịch vụ trọn gói cho bên bán hoặc bên mua từ các khâu lên kế hoạch cấu trúc giao dịch, xác định bên mua hoặc bên bán mục tiêu, thẩm định đặc biệt (DD), định giá, thương lượng mua bán, và hỗ trợ các vấn đề thủ tục pháp lý cần thiết để đảm bảo giao dịch thành công.

- **Tư vấn tài chính doanh nghiệp:** Danh mục khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp của MBS không ngừng được mở rộng. Trên cơ sở đó, MBS đã xây dựng và liên tục cập nhật được một cơ sở dữ liệu phong phú về các cơ hội đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau tại các tỉnh thành lớn của Việt Nam, từ chế biến thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bất động sản, dịch vụ tài chính, khu công nghiệp, sản xuất công nghiệp, năng lượng, trồng và chế biến mủ cao su đến xây dựng và khai thác cảng biển v.v... Kinh nghiệm làm việc với các nhà đầu tư đến từ các quốc gia khác nhau và sự hiểu biết sâu sắc của đội ngũ nhân sự của MBS về các yêu cầu của nhà đầu tư sẽ giúp cho quá trình mua bán hay sáp nhập của khách hàng trở nên dễ dàng hơn rất nhiều.

Việc phát triển dịch vụ ngân hàng đầu tư và khách hàng tổ chức cũng được sự hỗ trợ lớn của MB từ thông tin và các sản phẩm liên kết. MBS có thể tự tin rằng mạng lưới Khách hàng sẽ ngày càng được mở rộng và củng cố cùng với sự phát triển và nâng cao chất lượng của hệ thống sản phẩm dịch vụ tại MBS. Ngoài ra, Ngân Hàng TMCP Quân đội (MB) là một nhà đầu tư lớn trên thị trường trái phiếu nên đây cũng là một yếu tố thuận lợi để MBS và MB có thể giúp các doanh nghiệp phát hành trái phiếu thành công.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từ năm 2015 – 2020 MBS nằm trong Top 5 dịch vụ môi giới, Top 10 dịch vụ IB
- Từ năm 2020: MBS nằm trong Top 3 dịch vụ môi giới, Top 5 dịch vụ IB
- MBS là công ty có dịch vụ thuận tiện nhất cho khách hàng cá nhân.
- MBS là công ty chuyên nghiệp nhất trong các nhà cung cấp dịch vụ M&A và thị trường vốn tại Việt Nam

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, tôn trọng xã hội và cộng đồng MBS luôn hướng tới các hoạt động xã hội vì lợi ích chung và sự phát triển bền vững.

Trong mỗi hoạt động kinh doanh, MBS luôn đề cao việc thực hiện trách nhiệm xã hội. Nhúng trong môi trường văn hóa doanh nghiệp mang đậm bản sắc riêng, toàn bộ CBNV MBS đồng thời cũng hưởng ứng và tham gia rất nhiệt tình vào các chương trình từ thiện hướng tới cộng đồng, đặc biệt là đối tượng trẻ em và người có hoàn cảnh khó khăn.

Năm 2014 vừa qua, MBS đã phối hợp cùng các đơn vị trong MB Group và đồn biên phòng Pha Long tổ chức một chương trình từ thiện lớn mang tên **"Ấm áp Tả Ngài Chờ"**, xây dựng dãy nhà ở bán trú cho các em học sinh vùng cao biên giới tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước đó, chương trình từ thiện "Xuân ấm yêu thương" do MBS tổ chức đã tài trợ ca phẫu thuật tim bẩm sinh cho một bệnh nhi tại Trung tâm tim mạch, bệnh viện E Hà Nội. Nhờ thành công của ca phẫu thuật, em bé đã bình phục và trở về ăn Tết bên gia đình. Chương trình cũng đồng thời trao tận tay nhiều phần quà thiết thực, ý nghĩa cho những bệnh nhi phải ở lại điều trị tại viện trong dịp Tết.

CÁC RỦI RO

Năm 2014 thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động xuất phát từ tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới, sự kiện Trung Quốc xây dàn khoan trên biển Đông, sự suy giảm của giá dầu thế giới, chính sách pháp luật thay đổi..., ảnh hưởng mạnh đến thị trường và giao dịch của khách hàng. Các rủi ro phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện mục tiêu của công ty trong năm 2014 là rủi ro về thanh toán, hoạt động và thị trường. Tuy nhiên, công tác quản trị rủi ro của MBS hoạt động hiệu quả đạt được mục tiêu công ty đề ra:

- Nhận diện rủi ro, phân loại và quán triệt xử lý rủi ro theo quy định và chính sách quản trị rủi ro của MBS nên hầu hết các rủi ro trên đã nằm trong tầm kiểm soát;
- Không để phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, đảm bảo kinh doanh phát triển bền vững.
- Không để phát sinh mới các trường hợp khiếu kiện của khách hàng/đối tác.
- Thiệt hại tài chính phát sinh do rủi ro hoạt động ở mức thấp (trong khoảng 30 triệu đồng)
- Không phát sinh các sự kiện rủi ro sai sót/gian lận nội bộ, đảm bảo uy tín hình ảnh của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính trong nước

- Kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng chưa đồng đều, bền vững. Thị trường tài chính thế giới diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro: giá vàng biến động, đồng USD tăng, giá dầu thô giảm mạnh
- Trong nước, GDP năm 2014 ước tăng 5,98%, lạm phát kiểm soát chặt chẽ khoảng 4%. Tuy nhiên kinh tế trong nước còn đối mặt với nhiều thách thức, đó là sức cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn khó khăn.

Thị trường chứng khoán

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô ổn định và có nhiều cải thiện, cùng với việc các giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế và tái cấu trúc thị trường chứng khoán đã có những thành quả nhất định, thị trường chứng khoán trong năm qua đã có sự cải thiện tích cực về nhiều mặt, cụ thể:

- Về diễn biến chỉ số: Cho đến cuối năm 2014, chỉ số VNIndex đứng ở mức 545.63 điểm, tăng 8.1% và chỉ số HNX đứng ở mức 82.98 điểm tăng 22.3% so với cuối năm 2013.
- Về mức vốn hóa thị trường: mức vốn hóa ở mức 1.121 nghìn tỷ (tăng 172 nghìn tỷ đồng so với cuối năm 2013), tương đương 31% GDP, trong đó HOSE chiếm 88%
- Về khối lượng giao dịch: Thanh khoản thị trường có sự cải thiện mạnh. Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 5.575 tỷ đồng, gấp đôi so với năm 2013 (riêng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đạt 2.967 tỷ đồng, tăng 116% so với năm 2013). Tốc độ quay vòng (tổng giá trị giao dịch/giá trị vốn hóa) đạt 65%.
- Tuy nhiên, thị trường chứng khoán đã có những lúc chịu tác động mạnh bởi các vấn đề như: Tác động tâm lý do sự kiện Biển Đông (thị trường giảm khoảng 10% vào đầu tháng 5/2014), giá dầu thế giới giảm mạnh, tác động của chính sách tín dụng đối với dòng vốn từ khu vực ngân hàng sang thị trường chứng khoán.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013

Mã	Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2014	TH 2014	TH 2014/ TH 2013	TH/KH
A	Kết quả kinh doanh					
I	Doanh thu	280.26	301.54	388.44	138.6%	128.8%
II	Chi phí	473.98	249.19	315.71	66.6%	126.7%
III	Lợi nhuận	20.55	52.34	72.73	353.9%	139.0%
B	Các KPI trọng yếu khác					
1	Thị phần	5.87%	7.44%	4.86%	82.8%	65.3%
2	Phí Môi giới	60.71	77.03	120.38	198.3%	156.3%
3	Tài khoản mở mới	5262	4,505	4,867	92.5%	106.5%
4	Phí tư vấn cố định	3.04	8.00	7.64	251.4%	77.3%
5	Phí thu xếp thành công	0	10.00	20.84		208.4%

Với sự hỗ trợ từ phía Ngân hàng MB kết hợp những định hướng đúng đắn từ phía ban lãnh đạo của MBS cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty nên MBS đã hoàn thành vượt kế hoạch đã đề ra, cụ thể lợi nhuận đạt 72.73 tỷ đồng, hoàn thành 139% và gấp 3.5 lần năm 2013 trong đó doanh thu đạt 388.44 tỷ đồng hoàn thành 128.8% gấp 1.4 lần năm 2013, chi phí đạt 315.71 tỷ đồng và đang nằm trong vùng kiểm soát.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

Hoạt động Môi giới

Năm 2014 là năm có bước phát triển mạnh mẽ tính bản lề đối với hoạt động môi giới của MBS với việc hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu KPI trọng yếu ở mức cao, trong đó nổi bật là khu vực Phía Nam với hoạt động kinh doanh có sự tăng trưởng và theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra. Thị phần tại khu vực Phía Nam đạt 1.58% tăng 28% so với năm 2013. Năm 2013, tỷ trọng thị phần tại Khu vực Phía Nam chỉ chiếm 24% trong khối môi giới thì năm 2014 tỷ trọng này đã là 34.5%.

Thị phần năm 2014 đạt 4.86% hoàn thành 65.3% kế hoạch và đang đứng thứ 6 trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất tại sàn HSX. Việc giữ vững thị phần năm trong Top 6 đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của MBS trong thị trường cạnh tranh khốc liệt và MBS hạn hẹp về mặt tài chính.

Phí môi giới năm 2014 đạt 120.38 tỷ đồng hoàn thành 156.3% và tăng gần gấp đôi so với năm 2013.

Kết thúc năm 2014, tài khoản quản lý toàn công ty đạt 64.168 tài khoản, trong đó số lượng tài khoản mở mới đạt 4.867 tài khoản hoàn thành 106.5% kế hoạch. Đặc biệt trong năm 2014, bộ phận khách hàng nước ngoài và tổ chức đã mở mới được 13 tài khoản và kích hoạt lại được một số tài khoản đã ngừng giao dịch trong thời gian dài.

Bên cạnh đó, tỷ lệ đặt lệnh qua Stock 24 tăng từ 70.1% trong năm 2012 lên 84.7% năm 2013 và 90% trong năm 2014.

Hoạt động phát triển sản phẩm được kiện toàn, trong năm 2014 MBS đã cải tiến và phát triển thêm nhiều gói sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng, trong đó nổi bật là việc MBS đã phối hợp với MB cải tiến sản phẩm M+ (sản phẩm MB cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc mục đích tiêu dùng).

Trong năm 2014, Công ty cũng đánh dấu sự thay đổi trong tư duy của các Cán bộ quản lý cấp Khối, Chi nhánh/ Phòng giao dịch trong việc quản trị đơn vị. Các cán bộ quản lý đã thực hiện điều hành dựa trên hiệu quả cuối cùng, trên cơ sở đó các đơn vị cũng đã chủ động trong việc tiết kiệm chi phí và có những hoạt động để đẩy mạnh việc tăng trưởng doanh thu.

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB

Năm 2014 là năm thành công đối với MBS trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng đầu tư. Trong năm 2014, MBS đã thực hiện ký mới được 57 hợp đồng tư vấn với giá trị đạt 34.4 tỷ đồng, tăng gấp 10 lần so với năm 2013.

Năm 2014 là năm đầu tiên MBS triển khai hoạt động bán chéo giữa các đơn vị kinh doanh nhưng cũng đã thu được kết quả khả quan. Số lượng hợp đồng IB ký kết được thông qua hoạt động bán chéo là 12 hợp đồng chiếm 21% số lượng hợp đồng IB ký mới trong năm 2014.

Trong năm 2014, MBS đã tư vấn phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu cho Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và 431 tỷ đồng cho Công ty Tài chính TNHH 1 thành viên Home Credit Việt Nam với số phí thu được gần 25 tỷ đồng. Bên cạnh đó, MBS đã thực hiện hợp đồng bảo lãnh phát hành cho Công ty cổ phần tập đoàn FLC với tổng giá trị bảo lãnh phát hành lên tới 772 tỷ đồng, Công ty cổ phần đầu tư FIT với tổng giá trị bảo lãnh phát hành lên đến 224 tỷ đồng.

Ngoài ra, MBS cũng tiếp xúc và thực hiện một số thương vụ cổ phần hóa với các doanh nghiệp lớn của Bộ Quốc Phòng, Bộ Xây Dựng như Tổng công ty FICO, Công ty Trường An..., tiếp tục thực hiện phát hành cổ phiếu cho ASM, IDI, CVT, HQC, DXG. MBS còn là đơn vị tư vấn niêm yết đưa cổ phiếu CEO lên giao dịch trên HNX thành công.

Bên cạnh đó, việc mở rộng các network Buyside và SellSide trong và ngoài nước được chú trọng quan tâm. Các thị trường Nhật Bản, Mỹ đã được xúc tiến và mở rộng quan hệ.

MBS đạt 2 giải thưởng lớn: “Thương vụ hợp nhất tiêu biểu” và “Nhà tư vấn tiêu biểu” tại Diễn đàn M&A Việt Nam.

Hoạt động Đầu tư

Đối với danh mục niêm yết: tại thời điểm 31/12/2014 chỉ số NAV Niêm yết tăng so với thời điểm 31/12/2013 là 51.5%, VN-Index tăng 8.9% và HNX-Index tăng 20.7%. So sánh tốc độ tăng trưởng cho thấy danh mục MBS tăng trưởng tốt hơn so với thị trường.

Đối với danh mục OTC: Trong năm 2014, MBS đã tiến hành rà soát toàn bộ hồ sơ pháp lý của danh mục cổ phiếu OTC, trên cơ sở đó hoàn thiện những hồ sơ còn thiếu sót và đánh giá lại tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp MBS sở hữu cổ phần và lựa chọn một số doanh nghiệp để tham gia sâu vào công tác quản trị và lập phương án thoái vốn cho một số mã cổ phiếu OTC.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

Nhân sự

Nhân sự tại thời điểm 31.12.2014 MBS có 295 nhân sự ký hợp đồng lao động, tăng 33 nhân sự so với thời điểm 31.12.2013.

Tỷ lệ hỗ trợ/ kinh doanh (active): Năm 2013 là 1: 1.8; Năm 2014 là 1: 2.4

Trong năm 2014 MBS đã tuyển dụng được nhiều nhân sự có chất lượng cao cho các vị trí trọng yếu như: Giám đốc ICS người nước ngoài; PGĐ Khối IB phụ trách khu vực phía Nam, Trưởng phòng IB Hội sở; Trưởng Bộ phận nguyên cứu ngành và cổ phiếu Equity Reach. Bên cạnh đó MBS cũng đã có nhiều nhân sự quay trở lại MBS làm việc, góp phần củng cố đội ngũ nhân sự cho công ty đáp ứng nhu cầu thị trường.

Công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ tại MBS cũng hết sức được chú trọng: số lượng cán bộ được giao nhiệm vụ trong năm 2014 từ nguồn nội bộ chiếm 82.35%.

Công tác đào tạo: trong năm 2014 MBS đã chú trọng cử cán bộ nhân viên tham dự các lớp đào tạo chứng chỉ do Ủy ban chứng khoán tổ chức và hỗ trợ tối đa cho cán bộ nhân viên trong việc hoàn thành thủ tục thi và cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó MBS cũng tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cho các nhân viên kinh doanh để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Niềm tin của Cán bộ CNV vào sự hỗ trợ, định hướng của Ngân hàng Quân đội; sự phục hồi, tăng trưởng của Cty ngày càng tăng lên; chất lượng nhân sự của MBS được thị trường chứng khoán đánh giá cao.

Hoạt động Quản trị rủi ro

Năm 2014 là năm thị trường chứng khoán chịu nhiều tác động từ những yếu tố bên ngoài, mà tiêu biểu nhất là sự kiện biến Đông và những suy giảm của giá dầu thế giới. Các sự kiện này ảnh hưởng tới tâm lý các nhà đầu tư dẫn đến thị trường chứng khoán liên tục giảm điểm và ảnh hưởng không nhỏ đến các công ty chứng khoán nói chung và MBS nói riêng. Tuy nhiên với việc thực thi đúng các nguyên tắc quản trị rủi ro MBS đã không để phát sinh nợ xấu.

Hoạt động Nghiên cứu

Trung tâm nghiên cứu của MBS đã hướng tới việc cung cấp cho nhà đầu tư chuỗi sản phẩm nghiên cứu đầy đủ. Những sản phẩm trên đã được khách hàng đánh giá khá tốt về chất lượng, cũng như tính kịp thời. Bên cạnh đó Trung tâm nghiên cứu cũng thường xuyên cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá thương hiệu của MBS.

Hoạt động Trung tâm công nghệ thông tin

Trong năm 2014 MBS đã xây dựng, triển khai nhiều dự án nâng cấp, cải tiến sản phẩm nhằm mang lại các tính năng, dịch vụ tối ưu, đáp ứng nhu cầu thực tế của Khách hàng đồng thời cũng đảm bảo các nguyên tắc quản trị, kiểm soát tự động sản phẩm trên hệ thống để hạn chế tối đa sai sót, rủi ro có thể phát sinh.

Hoạt động Kiểm tra kiểm soát

Năm 2014 là năm hoạt động kiểm tra, kiểm soát được triển khai tương đối toàn diện. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã phối hợp với các đơn vị tổ chức kiểm tra được 14 đơn vị, hoàn thành 116.7% kế hoạch kiểm tra. Trong đó Ban kiểm soát đã đi kiểm tra tại toàn bộ các chi nhánh, phòng giao dịch, ban đầu tư và các bộ phận trọng yếu khác như khối tài chính, phòng quản trị rủi ro, khối nhân sự tổng hợp. Theo kết quả kiểm tra, nhìn chung các đơn vị đều tuân thủ đúng quy trình, quy chế, không vi phạm các lỗi trọng yếu gây thiệt hại về tài chính.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

Công tác xây dựng chiến lược và ban hành mới và sửa đổi quy trình, quy chế trong hoạt động

Trong năm 2014, Công ty đã tập trung xây dựng chiến lược giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn hướng đến 2025 theo đúng định hướng của Ngân hàng Quân đội đồng thời ban hành (hoặc đã gửi dự thảo xin phê duyệt của MB) được hệ thống các quy trình, quy chế đáp ứng các quy định pháp luật liên quan, nổi bật là:

- Quy chế Tài chính (đã gửi tờ trình xin phê duyệt của TTHĐQT MB)
- Chính sách rủi ro
- Quy chế về phòng chống rửa tiền
- Quy chế, quy trình đầu tư Cổ phiếu Niêm yết
- Sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát tại MBS
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chính sách
- Thỏa ước lao động tập thể; triển khai Ký lại Hợp đồng lao động sau Hợp nhất
- Các quy trình quy chế khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh Môi giới, Nghiệp vụ, CNTT...

Các hoạt động khác

Trong năm 2014, văn hóa doanh nghiệp tại MBS được cải thiện một cách rõ rệt, điều đó được thể hiện qua cách phối hợp, tác nghiệp giữa các đơn vị hỗ trợ với đơn vị kinh doanh, giữa các đơn vị luôn luôn có sự chia sẻ, gắn kết với mục tiêu đưa MBS ngày càng phát triển, hướng tới kỷ niệm 15 năm sinh nhật Công ty và nền tảng hoạt động của MB Group.

Trong năm 2014, các Tổ chức quần chúng (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ) đã có nhiều hoạt động gắn kết các thành viên trong công ty, giúp người lao động có niềm tin vào công ty, bên cạnh đó các tổ chức quần chúng của MBS vẫn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức quần chúng của Ngân hàng Quân đội.

Công ty tiếp tục nhận được sự tin tưởng của các nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

10 sự kiện nổi bật trong năm 2014

- 1) Đại hội cổ đông năm 2014 đã diễn ra thành công. MBS đã hoàn thiện chiến lược công ty giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025 theo định hướng của MB.
- 2) Kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội: Lợi nhuận lợi nhuận đạt 72.73 tỷ đồng, hoàn thành 139% và gấp 3.5 lần năm 2013. Phí môi giới đạt 120.38 tỷ hoàn thành 156.3% kế hoạch và gấp đôi so với năm 2013. Doanh thu tư vấn đạt 28.48 tỷ tăng gấp 9.3 lần so với năm 2013. Tổng tài sản Công ty đạt hơn 3000 tỷ đồng, giá trị Công ty được tăng lên.
- 3) MBS đạt 2 giải thưởng lớn: “Thương vụ hợp nhất tiêu biểu” và “Nhà tư vấn tiêu biểu” tại Diễn đàn M&A Việt Nam. Đây sẽ là động lực để MBS tiếp tục thực hiện những thương vụ tư vấn lớn trên thị trường chứng khoán trong thời gian tới.
- 4) MBS đã thực hiện thành công Hội nghị kinh doanh lần đầu tiên, tập trung vào các giải pháp kinh doanh hướng tới khách hàng và bán chéo.
- 5) Năm 2014 MBS đã triển khai mô hình kinh doanh hướng tới khách hàng và chính sách lương kinh doanh mới đối với 3 mảng kinh doanh trụ cột đó là khối Môi giới, IB và Đầu tư phù hợp với hoạt động của MBS và có sức cạnh tranh trên thị trường.
- 6) MBS đã điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các quy trình, quy chế phục vụ cho hoạt động kinh doanh và vận hành của công ty. Hoạt động rủi ro của MBS trong năm 2014 không để phát sinh nợ xấu trong điều kiện thị trường có nhiều biến động.
- 7) MBS lần đầu tiên tổ chức khóa đào tạo cho nhà đầu tư với hơn 12 buổi đã thu hút hơn 300 nhà đầu tư tham gia (vượt 100% dự tính trước đó) và đã gây được tiếng vang trên thị trường.
- 8) Đời sống và chế độ đãi ngộ của CBNV được quan tâm và cải thiện.
- 9) Công tác phát triển Đảng được hết sức chú trọng, lần đầu tiên MBS tổ chức kết nạp cho 6 đảng viên mới nâng số đảng viên tại MBS lên 13 người. Văn hóa MBS được triển khai rộng khắp và đẩy mạnh thông qua hoạt động truyền thông nội bộ và hoạt động quần chúng gắn với tập đoàn MB
- 10) MBS đã phát động thành công cuộc thi MBS sáng tạo với trên 135 sáng kiến được đưa ra để chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập MB, một năm hợp nhất và hướng tới chương trình kỷ niệm 15 năm thành lập MBS.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO

Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc



Ông Trần Hải Hà sinh năm 1980, là người có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) như Phó Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Định chế tài chính, Giám đốc Chi nhánh MB tại Hải Phòng. Ông Trần Hải Hà chính thức tiếp quản vị trí Tổng Giám đốc MBS kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2013.

- Năm 2002: Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân chuyên ngành Ngân hàng – Tài chính.
- 06/2002-11/2003: Làm việc cho VP bank
- 11/2003-06/2009: Làm việc cho BIDV, Trưởng phòng Quan hệ khách hàng.
- 10/2009: Phó Giám đốc Khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính – Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).
- 03/2011: Giám đốc chi nhánh Hải Phòng – Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
- 06/2013-nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

Bà Phùng Thị Thanh Hà
Phó Tổng Giám đốc



Bà Phùng Thị Thanh Hà, Thạc sỹ kinh tế đã tốt nghiệp Đại học và Thạc sỹ tại trường Đại học Méditerranée – Aix Marseille II (Pháp), khoa Quản trị doanh nghiệp. Bà Hà là người có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quản lý như Trưởng Bộ phận Thẩm định Khách hàng cá nhân, Trưởng Bộ phận Thẩm định Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Phó phòng Thẩm định Hội sở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và Trưởng Phòng Quản trị rủi ro tại Công ty CP Chứng

- khoán MB (MBS). Bà Phùng Thị Thanh Hà chính thức tiếp quản vị trí Phó Tổng Giám đốc MBS kể từ ngày 5/7/2013.
- 2005: Tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Mesditerrannée – Aix Marseille II chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp.
- 01/2005-12/2005: Chuyên viên tài chính Tập đoàn Monoprix & Daily Monop.
- 03/2006-02/2012: Phó phòng Tái thẩm định Hội sở Ngân hàng TMCP Quân đội.
- 02/2012-06/2013: Trưởng phòng Quản trị rủi ro Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.
- 07/2013-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0.001%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2014 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

Số lượng nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2014 số lượng cán bộ, nhân viên MBS là 295 người.

Tóm tắt chính sách

Ban hành mới quy trình chấm dứt hợp đồng lao động theo quyết định số 12/2014/MBS-QĐ ngày 31/03/2014

Ban hành mới Quy trình tuyển dụng theo quyết định số 16/2014/MBS-QĐ ngày 15/04/2014

Ban hành mới Quy trình Quản trị thành tích theo quyết định số 26/2014/MBS-QĐ ngày 10/06/2014

Ban hành mới Thỏa ước lao động tập thể theo quyết định số 11/2014/MBS-QĐ ngày 10/03/2014

Ban hành cơ chế lương kinh doanh cho các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.650.086.616.531	3.063.820.398.612	(*)
Doanh thu thuần	24.974.249.056	388.408.724.243	(*)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(519.572.706)	75.413.155.938	(*)
Lợi nhuận khác	2.806.611.841	(19.350.653)	(*)
Lợi nhuận trước thuế	2.287.039.135	75.393.805.285	(*)
Lợi nhuận sau thuế	2.287.039.135	72.729.913.285	(*)

(*) Công ty Cổ phần Chứng khoán MB được thành lập ngày 09 tháng 12 năm 2013 theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 116/GP-UBCK vì vậy năm 2013 MBS mới đi vào hoạt động được 23 ngày nên không so sánh % tăng giảm.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,52	1,54	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1.52	1,54	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,54	0,57	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,81	0,93	Nợ phải trả không bao gồm tiền của nhà đầu tư và quỹ khen thưởng phúc lợi
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán</i>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,092	0,187	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,002	0,056	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0009	0,0237	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	0,1942	
	0,0208		

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Năm 2014		
	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1. Tổng số lượng cổ phần phát hành		122,124,280	100%
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng		122,124,280	100%
2. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn	1	97,110,937	79.52%
- Cổ đông nhỏ	805	25,013,343	20.48%
3. Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông			
- Cá nhân trong nước	797	24,359,560	19.95%
- Cá nhân nước ngoài	1	24,631	0.02%
- Pháp nhân trong nước	8	97,740,089	80.03%



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự báo thị trường

- Kinh tế toàn cầu sẽ khởi sắc hơn trong năm 2015, IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 3,5% (cao hơn so với mức dự báo 3,3% năm 2014).
- Về kinh tế Việt Nam: Với chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ trong năm 2015 tiếp tục đặt mục tiêu vào việc cải thiện môi trường kinh doanh cùng với việc triển khai đàm phán các Hiệp định mậu dịch tự do; ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện chính sách tài khóa đồng bộ và cẩn trọng; đẩy mạnh tái cơ cấu khu vực ngân hàng và các DNNN, kinh tế vĩ mô trong nước được dự báo sẽ tiếp tục ổn định và có mức phục hồi cao hơn trong năm 2015, lạm phát được kiểm soát, mặt bằng lãi suất thấp và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ tăng cao hơn.
- Thị trường chứng khoán được dự báo sẽ có sự tăng trưởng hơn về quy mô, thanh khoản, khả năng huy động vốn qua phát hành cổ phiếu cũng tiếp tục được mở rộng, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài được dự báo cũng sẽ có sự cải thiện nếu như tỷ lệ sở hữu được nới lỏng và chính sách tài chính tiền tệ được linh hoạt hơn.

Kế hoạch kinh doanh

Dựa trên những thành quả mà MBS đã đạt được trong năm 2014 cộng với sự kỳ vọng vào sự phát triển của thị trường năm 2015, Ban lãnh đạo MBS đã đạt ra phương châm hành động của MBS trong năm 2015 như sau:

HOÀN THÀNH TÁI CƠ CẤU, ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu KPI cơ bản

Mã	Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	KH 2015 /TH2014
A	Kết quả kinh doanh			
I	Doanh thu	388.44	506.11	130.3%
II	Chi phí	315.71	456.10	144.5%
III	Lợi nhuận			
1.1	Trước TLDP phải thu khó đòi	123.07	150.00	121.9%
1.2	Lợi nhuận sau thuế	72.73	50.00	68.7%
B	Các KPI trọng yếu khác			
1	Thị phần	4.86%	6.50%	133.7%
2	Phí Môi giới	120.38	146.25	121.5%
3	Tài khoản mở mới	4,867	5,131	105.4%
4	Phí tư vấn cố định	7.64	13.00	170.1%
5	Phí thu xếp thành công	20.84	38.51	184.8%



CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM NĂM 2015 CỦA MBS

- Thực thi các giải pháp chiến lược giai đoạn 2015-2020 được HĐQT phê duyệt
- Niêm yết cổ phiếu MBS trên HNX theo lộ trình
- Phát hành trái phiếu tối thiểu 1000 tỷ đồng để tăng năng lực tài chính, đảm bảo mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch
- Triển khai hiệu quả các chương trình bán chéo trong hệ thống MB:
 - Tổng giá trị hợp đồng tư vấn trái phiếu đạt 5.000 tỷ, MBS phấn đấu doanh thu IB năm 2015 đạt 55 tỷ đồng và đứng trong Top 5 các công ty chứng khoán có doanh thu tư vấn cao nhất.
 - Phối hợp cho vay sản phẩm M+ (MB cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc mục đích tiêu dùng).
- Phấn đấu thị phần môi giới MBS năm 2015 đạt 6.5% nằm trong Top 5 các công ty chứng khoán có thị phần cao nhất.
- Thực thi các giải pháp để quản lý hiệu quả hoạt động môi giới.
- Rà soát, chuẩn hóa các quy trình nội bộ nhằm cung cấp dịch vụ thuận tiện cho khách hàng nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả
- Quản trị rủi ro chặt chẽ, không để phát sinh nợ xấu mới
- Đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT: đảm bảo yêu cầu phát triển dịch vụ chứng khoán, quản lý nguồn lực tập trung hiệu quả và tối ưu hóa vận hành.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Kiểm toán chấp nhận toàn phần, không có ý kiến giải trình của ban Tổng Giám đốc

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Nền kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực trong năm 2014. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trên 5.9% (cao hơn so với mục tiêu 5,8% và mức 5,42% trong năm 2013), tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

Xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch thì thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan. Thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng, mặc dù xen kẽ những khoảng điều chỉnh giảm. Chỉ số VN-Index đã lập đỉnh tại mức điểm 640,75 (ngày 3/9) sau gần 6 năm đạt được, trong khi chỉ số HNX-Index cũng đã lập đỉnh tại mức điểm 92,99 (ngày 24/3) sau đúng

tăng

năm 2013 và đóng góp 27,1% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Trong năm 2014, thị trường đã trải qua 2 đợt sóng tăng/giảm liên tiếp do những yếu tố vĩ mô bất lợi ảnh hưởng đến sự phát triển của TTCK như tình hình Biển Đông, giá dầu quốc tế giảm mạnh và một số điều chỉnh của chính sách tiền tệ. Những đợt sóng tăng giảm này có thể đã mang lại nhiều lợi nhuận cho những NĐT sắc sảo đã nhìn thấy cơ hội trong thị trường nhưng cũng luôn đi kèm với những rủi ro tiềm ẩn.

Trong bối cảnh tính cạnh tranh vẫn luôn diễn ra quyết liệt trong ngành chứng khoán, với sự nỗ lực không ngừng của tập thể MBS, vượt lên những biến động và rủi ro của thị trường năm 2014, MBS đã đạt được một số thành công nhất định, doanh thu đạt 388,44 tỷ đồng hoàn thành 128,54% so với kế hoạch, tăng 38,6% so với năm 2013. Lợi nhuận đạt 72.73 tỷ đồng hoàn thành 139,06% so với kế hoạch và tăng 253,92% so với năm 2013.

Về hoạt động môi giới: thị phần môi giới MBS đạt 4.86%, hoàn thành 65.3% kế hoạch và đang đứng thứ 6 trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất tại sàn HSX. Việc giữ vững thị phần nằm trong Top 6 đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của MBS trong thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy những biến động trong năm 2014. Doanh thu đạt 120,38 tỷ đồng hoàn thành 156,3% kế hoạch và tăng 98,3% so với năm 2013.

Kết thúc năm 2014, tài khoản quản lý toàn công ty đạt 64.168 tài khoản, tăng 3.907 tài khoản so với năm 2013. Bám sát định hướng chiến lược đã đề ra, Công ty đã tập trung quyết liệt cho việc phát triển khu vực Phía Nam và đã đạt được thành tích nổi bật. Thị phần tại khu vực Phía Nam đạt 1,58% tăng 28% so với năm 2013. Đồng thời, Công ty đã khôi phục và hình thành khối khách hàng tổ chức và đã có kết quả khích lệ, một số khách hàng tổ chức mới đã giao dịch tại MBS.

Bên cạnh đó, các khối kinh doanh khác cũng nỗ lực không ngừng để đạt được những thành quả đáng kể. Đối với Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư năm 2014 MBS đã thực hiện ký mới được 57 hợp đồng tư vấn với giá trị đạt 34.4 tỷ đồng gấp 10 lần so với năm 2013. Trong năm 2014, MBS đã tư vấn thành công cho nhiều đối tác, khách hàng lớn và đã được Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn; vinh danh "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014". Ngoài ra việc mở rộng các network Buyside và SellSide trong nước, MBS chú trọng quan tâm các thị trường Nhật Bản, Mỹ... đối với hoạt động tự doanh tại thời điểm 31/12/2014, chỉ số NAV Niêm yết tăng so với thời điểm 31/12/2013 là 51.5%, VN-Index tăng 18.9% và HNX-Index tăng 20.7%. So sánh tốc độ tăng trưởng cho thấy danh mục MBS tăng trưởng tốt hơn so với thị trường.

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, để đạt và vượt kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2013 thông qua, MBS vẫn luôn tích cực xây dựng môi trường kinh doanh theo tiêu chí minh bạch, đáng tin cậy và phát triển bền vững. Theo đó hoạt động QTRR, Kiểm toán và KSNB vẫn được tiếp tục phát huy và thực hiện quyết liệt, triệt để, toàn diện nhằm đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống MBS.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban TGD quyết định các việc kinh doanh hàng ngày của công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông.

Ban TGD đã thực hiện hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm, đồng thời nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, dần dần tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại công ty.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban TGD đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban TGD và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các quyết định của HĐQT.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2015-2020 với mục tiêu "Hoàn thành tái cấu trúc, đột phá chiến lược và phát triển bền vững"
- Tiếp tục củng cố và nâng cao công tác Quản trị Công ty đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, Quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT;
- Đẩy mạnh phát triển, nâng cao giá trị doanh nghiệp trên nền tảng bền vững.
- Chú trọng thúc đẩy thị trường phía nam: Sản phẩm, nhân sự, mạng lưới để gia tăng thị phần.
- Chỉ đạo hình thành Khối ICS về khách hàng tổ chức để gia tăng thị phần và thương hiệu
- Tiếp tục phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có đồng thời nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Đôn đốc triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa ở cấp lãnh đạo điều hành doanh nghiệp;
- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông, cân đối thích hợp với việc điều hành công ty.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Cao Thúy Nga
Chủ tịch HĐQT

Bà Cao Thị Thúy Nga hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Nguyên Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB), phụ trách Phòng Truyền thông, khối Quản lý mạng lưới và kênh phân phối. Bà có 11 năm kinh nghiệm về lĩnh vực tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, hơn 12 năm là Kế toán trưởng kiêm Phụ trách nhân sự tại Ngân hàng liên doanh VID PUBLIC. Bà Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Đại học Tài chính - Kế toán và đã tham gia các khoá học Kiểm toán quốc tế tại Công ty Kiểm toán Việt Nam. Bà Nga là thành viên HĐQT đại diện vốn của MB tại MBS.



Ông Hoàng Minh Tuấn
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Minh Tuấn gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ tháng 12/2010 và hiện là Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân. Ông Tuấn tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1998, và có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, hơn 5 năm giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh tại Sacombank.



Ông Trần Hải Hà
Thành viên HĐQT

Ông Trần Hải Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) như Phó Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Định chế tài chính, Giám đốc Chi nhánh MB tại Hải Phòng. Hiện tại, Ông Trần Hải Hà là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS, trực tiếp phụ trách hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư của MBS.



Bà Đặng Thúy Dung
Thành viên HĐQT

Bà Đặng Thúy Dung gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ năm 1995. Trải qua gần 20 năm kinh nghiệm gắn bó phát triển cùng MB, bà Dung đã được giao nhiều trọng trách như: Trưởng phòng hỗ trợ Treasury, Trưởng phòng Kế toán Hội sở, Thành viên Văn phòng triển khai chiến lược, Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ. Bà Dung tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính tại Học viện Tài chính, là thành viên HĐQT đại diện vốn của MB tại MBS.



Bà Đoàn Kim Dung
Thành viên HĐQT

Bà Đoàn Kim Dung tốt nghiệp Học viện Tài chính năm 1996 và gia nhập Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) từ năm 1997. Với 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, bà Dung hiện đang là Phó Giám đốc Tài chính - Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Trước đó bà Dung đã được giao nhiều trọng trách tại MB như: Phó Phòng Kế toán Hội sở, Phụ trách Trung tâm Thẻ, Phụ trách Phòng Kế toán Chi nhánh Điện Biên Phủ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Cao Thị Thúy Nga	Chủ tịch Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 27,83%	Nguyên Phó Tổng Giám đốc MBB
Hoàng Minh Tuấn	Phó Chủ tịch Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 11,93%	Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân - MBB
Đặng Thúy Dung	Ủy viên Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 11,93%	Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - MBB
Đoàn Kim Dung	Ủy viên Thành viên độc lập		Giám đốc Tài chính - MBCapital
Trần Hải Hà	Ủy viên Thành viên điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 27,83%	Không

MBS có cơ cấu thành viên HĐQT giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và Quản trị Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Nhằm nâng cao hiệu quả Quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, HĐQT đã thành lập cơ quan Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và 02 tiểu ban trực thuộc HĐQT, nhiệm vụ của cơ quan KTNB và các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty, bao gồm:

- Tiểu ban QTRR
- Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ hàng quý để tổng kết hoạt động của mỗi quý và bàn kế hoạch cho quý tiếp theo. HĐQT cũng tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản/email nhằm giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT/TT HĐQT, các thành viên Hội đồng quản trị. Các cuộc họp HĐQT/TT HĐQT và việc lấy ý kiến từ xa đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT MBS. Các vấn đề chỉ đạo và quản lý hoạt động kinh doanh nổi bật của Công ty đã được HĐQT/TT HĐQT thông qua trong năm 2014 như sau:

- Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung chương trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2013 của Công ty
- Thống nhất thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014.
- Xây dựng chiến lược hoạt động dài hạn 2015-2020
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh của từng quý và kế hoạch hành động cho quý tiếp theo
- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ.
- Thông qua chính sách quản trị rủi ro, quy chế Tài chính, quy chế đầu tư.
- Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ.
- Thông qua các giao dịch, sản phẩm, chính sách, nội dung ... thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

Tại các cuộc họp của Thường trực HĐQT/HĐQT, Ban kiểm soát luôn tham dự nhằm đưa ra các ý kiến, đánh giá khách quan giúp HĐQT, Ban điều hành đưa ra các phán quyết chính xác và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính "độc lập" của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

a) Tiểu ban Quản trị rủi ro

Trong năm 2014 Tiểu ban Quản trị rủi ro đã hỗ trợ giám sát: cơ cấu Quản trị rủi ro công ty; các quy chế và hướng dẫn quản trị và đánh giá các loại rủi ro; mức độ chấp nhận rủi ro; nguồn vốn, khả năng thanh khoản và hiệu quả hoạt động của Khối Quản trị rủi ro.

Định kỳ hàng tháng, Khối Quản trị rủi ro sẽ gửi báo cáo các giao dịch thực hiện trong tháng đến Tiểu ban Quản trị rủi ro. Tiểu ban Quản trị rủi ro họp khi phải phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

b) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Trong năm 2014, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán nội bộ thường niên, bán niên hoặc trên cơ sở theo yêu cầu và báo cáo trực tiếp cho Tiểu ban KTNB trực thuộc HĐQT.

c) Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng

Tiểu ban nhân sự và lương thưởng đã thực hiện tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng, cùng với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống Công ty.

Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Tất cả các thành viên HĐQT đều đã tham gia đầy đủ các chương trình về Quản trị Công ty và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.





Bà Nguyễn Thanh Bình
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Bình hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Bình tốt nghiệp Trường ĐH Kinh tế Praha, Khoa Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Tài chính. Trước khi trở thành thành viên Ban Kiểm soát MB, bà Bình đã có 20 năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý Khối Tài chính Doanh nghiệp.



Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Quỳnh có 7 năm kinh tại Công ty Quản lý quỹ đầu tư MB (MB Capital) và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).



Bà Nguyễn Kim Chung
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Chung hiện là thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Chung có bằng Thạc sỹ Kinh tế. Trước khi gia nhập MBS, bà đã từng làm Kế toán Công ty cổ phần Intimex Việt Nam. Tại MBS, bà Chung đã đảm nhiệm nhiều vị trí như Kế toán, Kiểm soát, Trưởng sàn giao dịch Hoàng Quốc Việt, Trưởng phòng Nghiệp vụ 16.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban Kiểm Soát gồm 01 Trưởng ban và 02 Thành viên, chi tiết:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP MBS
Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban	500 CP (Chiếm 0.004%)
Nguyễn Kim Chung	Thành viên	4,450 CP (Chiếm 0.004%)
Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên	0 CP (Chiếm 0%)

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014

Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn qui định tại điều lệ của MBS và các qui định khác của pháp luật. Các hoạt động chính trong năm 2014 của Ban Kiểm soát như sau:

- Thường xuyên giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và trong việc quản lý, điều hành công ty.
- Giám sát và kiến nghị việc tuân thủ các quy định của UBCK Nhà nước và các quy định của pháp luật về các tỷ lệ đảm bảo an toàn.
- Giám sát kết quả hoạt động kinh doanh, kịp thời kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành đưa ra các chính sách, giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Thường trực Hội đồng quản trị với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định quản lý nội bộ của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.
- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính của công ty. Kết quả thẩm tra cho thấy số liệu trên báo cáo đã phản ánh hợp lý tình hình của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tổ chức 01 đoàn kiểm tra độc lập của Ban kiểm soát và cử thành viên Ban kiểm soát tham gia vào các đoàn kiểm tra của Kiểm soát nội bộ công ty để thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị, kịp thời phát hiện những tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, Ban kiểm soát tổ chức họp, tổng hợp, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành để đưa ra các kiến nghị cần thiết.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Công ty CP Chứng khoán MB hợp nhất và đi vào hoạt động từ ngày 09/12/2013 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 116/GP-UBCK ký ngày 09 tháng 12 năm 2013 nên không có thù lao của Hội đồng quản trị.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Nguyễn Kim Chung	Ban KS	9,450	0.008%	4,450	0.004%	Bán cổ phiếu

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành về quản trị công ty.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-088/3



Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 2 tháng 2 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.702.681.445.763	2.146.895.299.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	989.814.534.602	710.568.300.371
1. Tiền	111		989.814.534.602	670.568.300.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	463.228.852.339	106.635.225.499
1. Đầu tư ngắn hạn	121		544.488.367.657	232.512.628.432
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(81.259.515.318)	(125.877.402.933)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.228.143.712.503	1.310.949.270.672
1. Phải thu của khách hàng	131	7	1.401.721.755.608	1.408.956.804.593
2. Trả trước cho người bán	132	7	1.531.632.620	1.043.653.953
5. Các khoản phải thu khác	138	7	239.598.731.409	299.478.377.084
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(414.708.407.134)	(398.529.564.958)
IV. Hàng tồn kho	140		259.670.876	204.357.004
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.234.675.443	18.538.146.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	4.520.682.362	1.710.374.083
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	17	376.378.781	376.378.781
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	16.337.614.300	16.451.393.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		361.138.952.849	503.191.316.571
II. Tài sản cố định	220		6.445.370.072	9.182.958.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.095.538.791	8.311.624.025
<i>Nguyên giá</i>	222		50.708.579.844	50.313.317.337
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.613.041.053)	(42.001.693.312)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	349.831.281	841.670.280
<i>Nguyên giá</i>	228		8.150.151.501	8.150.151.501
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.800.320.220)	(7.308.481.221)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	29.664.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	268.013.405.181	400.037.164.649
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		278.395.416.849	150.427.500.150
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		278.395.416.849	150.427.500.150
4. Đầu tư dài hạn khác	258		3.000.000.000	288.103.892.499
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.382.011.668)	(38.494.228.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		86.680.177.596	93.971.193.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	83.083.777.051	87.998.583.467
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.944.040.000	5.607.932.000
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	15	456.433.957	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		195.926.588	244.678.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.063.820.398.612	2.650.086.616.531

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.759.029.172.153	1.426.556.777.396
I. Nợ ngắn hạn	310		1.758.544.886.710	1.411.302.377.396
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	600.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		2.511.868.335	1.699.921.881
3. Người mua trả tiền trước	313		1.682.002.000	1.302.002.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	5.047.380.348	2.764.233.380
5. Phải trả người lao động	315		1.783.695.364	1.484.380.551
6. Chi phí phải trả	316	18	24.952.328.396	15.794.990.292
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	19	917.136.727.822	1.369.954.693.001
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		194.627.660	961.512.981
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		727.941.688	1.901.724.813
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	20	204.484.271.615	15.426.836.001
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		24.043.482	12.082.496
II. Nợ dài hạn	330		484.285.443	15.254.400.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		484.285.443	15.254.400.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.304.791.226.459	1.223.529.839.135
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.304.791.226.459	1.223.529.839.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.740.863.521	114.351.957
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.750.847.621	114.351.957
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		76.056.715.317	2.058.335.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.063.820.398.612	2.650.086.616.531

Người lập:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc



02-02-2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	42.114.970.000	142.291.810.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	57.000.000	57.000.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.295.436.900.000	7.438.811.450.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	7.426.842.410.000	6.785.970.450.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	191.398.410.000	200.852.560.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	7.109.777.920.000	6.491.980.180.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	125.666.080.000	93.137.710.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	178.174.650.000	368.359.210.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	178.174.650.000	368.359.210.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	686.352.090.000	280.940.510.000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		13.063.050.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	673.289.040.000	280.940.510.000
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	1.178.110.000	50.600.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.889.640.000	3.490.680.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.889.640.000	3.490.680.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	181.849.920.000	170.394.340.000

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
1. Doanh thu	01	21	388.408.724.243	24.982.129.262
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		120.456.316.305	6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		111.363.193.469	5.566.940.279
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		28.480.264.772	751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		6.575.651.716	369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	01.8		3.541.381.503	390.952.444
Doanh thu khác	01.9		117.991.916.478	10.963.624.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(7.880.206)
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		388.408.724.243	24.974.249.056
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	(208.915.331.644)	(22.011.047.732)
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán			(278.645.435.591)	(35.796.290.221)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán			69.730.103.947	13.785.242.489
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		179.493.392.599	2.963.201.324
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(104.080.236.661)	(3.482.774.030)
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.413.155.938	(519.572.706)
10. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(19.350.653)	2.806.611.841
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.393.805.285	2.287.039.135
12. Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	24	-	-
13. Chi phí thuế TNDN – hoãn lại	52	24	(2.663.892.000)	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.729.913.285	2.287.039.135
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	25	595	30

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Chu Hải Công
Kế toán trưởng



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

02-02-2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	75.393.805.285	2.287.039.135
2. Điều chỉnh cho các khoản		24.451.576.770	(391.905.672)
Khấu hao tài sản cố định	02	3.558.350.614	586.328.089
Các khoản dự phòng	03	(19.392.609.863)	13.889.678.898
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.867.422.499)	(21.754.173.511)
Chi phí lãi vay	06	62.153.258.518	6.886.260.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	99.845.382.055	1.895.133.463
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(270.955.627.156)	4.739.516.523
Giảm chứng khoán thương mại		-	13.341.619.829
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(250.466.407.997)	109.207.746.777
Giảm chi phí trả trước	12	2.104.498.137	1.158.164.004
Tiền lãi vay đã trả	13	(70.682.981.725)	(2.371.774.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(490.155.136.686)	127.970.406.396
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(850.426.381)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.390.909	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.000.177.000)	(35.168.932.499)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	158.602.736.109	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.619.847.280	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	169.401.370.917	(35.168.932.499)

	Mã số	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	600.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	600.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	279.246.234.231	92.801.473.897
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	710.568.300.371	617.766.826.474
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (Thuyết minh 5)	70	989.814.534.602	710.568.300.371

Người lập:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:

Chu Hải Công
Kế toán trưởng
02 -02- 2015

Người duyệt:

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 9 tháng 12 năm 2013	621.242.800.000	-	-	-	621.242.800.000
Tăng vốn chủ sở hữu	600.000.000.000	-	-	-	600.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.287.039.135	2.287.039.135
Trích lập các quỹ	-	114.351.957	114.351.957	(228.703.914)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.221.242.800.000	114.351.957	114.351.957	2.058.335.221	1.223.529.839.135
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	72.729.913.285	72.729.913.285
Ghi nhận giảm khoản phải trả cổ đông do chênh lệch giá trị tài sản thuần phát sinh khi hợp nhất	-	-	-	9.589.318.940	9.589.318.940
Trích lập các quỹ	-	3.636.495.664	3.636.495.664	(7.272.991.328)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(343.055.870)	(343.055.870)
Sử dụng các quỹ	-	(9.984.100)	-	-	(9.984.100)
Ảnh hưởng của quyết toán thuế khi hợp nhất	-	-	-	(704.804.931)	(704.804.931)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.221.242.800.000	3.740.863.521	3.750.847.621	76.056.715.317	1.304.791.226.459

Người lập:



Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:



Chu Hải Công
Kế toán trưởng

02-02-2015

Người duyệt:



Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIT; Giấy phép hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2013 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty có bốn (04) chi nhánh đặt tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 295 nhân viên (31/12/2013: 262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 ("Thông tư 95") và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 ("Thông tư 162") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ ngày 9 tháng 12 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(ii) Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua.

(iii) Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hình thành cổ phiếu, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro đối với danh mục chứng khoán đầu tư, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa hình thành cổ phiếu và/hoặc các hợp đồng hợp tác kinh doanh chia sẻ lợi nhuận giữa Công ty và đối tác, sẽ được ghi nhận theo giá gốc.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 ("Thông tư 146"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên hệ thống tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty sẽ căn cứ trên các nguồn thông tin đáng tin cậy (báo chí và thông tin thị trường) để xác định giá thị trường của tài sản tài chính.

Trường hợp không thể thu thập báo giá và/hoặc các thông tin trên thị trường là không đáng tin cậy và/hoặc không thể thu thập được, chứng khoán sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi và bổ sung Thông tư 228 do Bộ tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Đối với các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã hoặc chưa hình thành cổ phiếu, dự phòng cho các khoản đầu tư này được trích lập như các khoản phải thu (Thuyết minh 3(d)).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Quá hạn từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 6 năm
• Máy móc thiết bị	3 – 6 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm
• Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(h) Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu khoản phải trả chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(i) Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác được Công ty thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

(I) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(vii) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

(m) Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(n) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu, khi phù hợp, được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư 162 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không/không phát sinh.

(q) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện

	Năm kết thúc 31/12/2014		Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện
	Đơn vị	VND	Đơn vị	VND
a) Của Công ty	41.974.985	2.122.631.072.500	2.660.330	47.274.147.000
<i>Cổ phiếu</i>	28.974.985	574.502.072.500	2.660.330	47.274.147.000
<i>Trái phiếu</i>	13.000.000	1.548.129.000.000	-	-
b) Của nhà đầu tư	5.042.542.119	69.716.122.856.780	339.425.417	3.570.240.270.300
<i>Cổ phiếu</i>	5.038.228.749	69.388.195.271.780	339.223.837	3.550.096.591.300
<i>Trái phiếu</i>	2.900.000	314.285.400.000	200.000	20.131.000.000
<i>Chứng khoán khác</i>	1.413.370	13.642.185.000	1.580	12.679.000
	5.084.517.104	71.838.753.929.280	342.085.747	3.617.514.417.300

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	272.974.446	279.868.898
Tiền gửi ngân hàng	988.726.396.075	667.597.847.476
<i>Tiền gửi của Công ty</i>	439.808.241.975	227.738.282.299
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (i) (Thuyết minh 19)</i>	548.918.154.100	439.859.565.177
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	815.164.081	2.690.583.997
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
	989.814.534.602	710.568.300.371

- (i) Các khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh 19).

6. Tình hình đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng VND	Giảm VND	
Chứng khoán thương mại	Đơn vị 19.370.869	VND 440.786.869.882	25.900.478.648	(81.259.515.318)	385.427.833.212
Cổ phiếu	19.370.864	440.786.749.941	25.900.478.648	(81.259.502.879)	385.427.725.710
<i>Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i)</i>	<i>15.288.933</i>	<i>357.086.828.776</i>	-	<i>(81.259.502.879)</i>	<i>275.827.325.897</i>
Chứng chỉ quỹ	5	119.941	-	(12.439)	107.502
<i>Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro (i)</i>	<i>5</i>	<i>119.941</i>	-	<i>(12.439)</i>	<i>107.502</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	488.000	103.701.497.775	2.586.400.000	-	106.287.897.775
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	-	88.329.497.775	-	-	88.329.497.775
Đầu tư ngắn hạn khác (iii)	488.000	15.372.000.000	2.586.400.000	-	17.958.400.000
	19.858.869	544.488.367.657	28.486.878.648	(81.259.515.318)	491.715.730.987

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chứng khoán thương mại	13.577.016	221.354.628.432	3.893.843.241	(125.877.402.933)	99.371.068.740
Cổ phiếu	13.577.011	221.354.508.491	3.893.843.241	(125.877.379.665)	99.370.972.067
<i>Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro</i>	<i>12.897.038</i>	<i>214.588.785.688</i>	-	<i>(125.877.379.665)</i>	<i>88.711.406.023</i>
Chứng chỉ quỹ	5	119.941	-	(23.268)	96.673
<i>Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro</i>	<i>5</i>	<i>119.941</i>	-	<i>(23.268)</i>	<i>96.673</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	697.375	11.158.000.000	7.182.962.500	-	18.340.962.500
Đầu tư ngắn hạn khác	697.375	11.158.000.000	7.182.962.500	-	18.340.962.500
	14.274.391	232.512.628.432	11.076.805.741	(125.877.402.933)	117.712.031.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(i) Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá/rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

STT	Cổ phiếu	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo số kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Tổng giá trị theo giá thị trường VND
Chứng khoán thương mại					
<i>Chứng khoán niêm yết</i>					
1	CEO	3.000.000	45.700.000.000	(10.900.000.000)	34.800.000.000
2	MCG	2.640.715	44.807.166.337	(27.906.590.337)	16.900.576.000
3	HAG	1.340.176	34.095.805.200	(4.477.915.600)	29.617.889.600
4	REE	900.203	26.330.796.100	(945.071.500)	25.385.724.600
5	SJS	800.665	24.926.486.123	(4.829.794.623)	20.096.691.500
6	HPG	350.049	19.151.257.087	(598.660.087)	18.552.597.000
7	NTL	796.450	18.409.173.850	(7.258.873.850)	11.150.300.000
8	FCN	700.020	17.824.100.200	(3.333.686.200)	14.490.414.000
9	GAS	200.000	17.295.000.000	(3.195.000.000)	14.100.000.000
10	PVS	500.130	17.292.551.061	(3.839.054.061)	13.453.497.000
11	PVD	200.174	15.006.116.047	(2.094.893.047)	12.911.223.000
12	CSM	300.385	13.848.284.300	(931.729.300)	12.916.555.000
13	PVB	200.000	10.480.650.000	(1.680.650.000)	8.800.000.000
14	VCG	700.128	10.439.344.488	(1.547.718.888)	8.891.625.600
15	Cổ phiếu khác (*)	2.659.838	41.480.097.983	(7.719.865.386)	33.760.232.597
		<u>15.288.933</u>	<u>357.086.828.776</u>	<u>(81.259.502.879)</u>	<u>275.827.325.897</u>
	Chứng chỉ quỹ VF1	5	119.941	(12.439)	107.502
		<u>15.288.938</u>	<u>357.086.948.717</u>	<u>(81.259.515.318)</u>	<u>275.827.433.399</u>



(*) Cổ phiếu khác bao gồm danh mục các mã cổ phiếu có giá trị ghi sổ dưới 10.000.000.000 VND.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn:

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 5,2% đến 6,4%.

(iii) Đầu tư ngắn hạn khác:

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm các cổ phiếu được hình thành từ các hợp đồng giữa Công ty và nhà đầu tư, trong đó Công ty chịu toàn bộ rủi ro từ danh mục đầu tư. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có ba (03) hợp đồng Hợp tác Kinh doanh với các nhà đầu tư cá nhân để đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Cổ phần Y Tế Danameco (DNM).

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo sổ kế toán VND	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VND
			Tăng VND	Giảm VND	
1. Chứng khoán đầu tư	17.685.007	278.395.416.849	4.268.800.000	(13.382.011.668)	269.282.205.181
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	17.685.007	278.395.416.849	4.268.800.000	(13.382.011.668)	269.282.205.181
Cổ phiếu (*)	14.785.007	249.395.416.849	-	(13.382.011.668)	236.013.405.181
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro (i)	2.735.415	41.744.306.950	-	(13.382.011.668)	28.362.295.282
Chứng chỉ quỹ	2.900.000	29.000.000.000	4.268.800.000	-	33.268.800.000
2. Đầu tư dài hạn khác	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (ii)	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	17.685.007	281.395.416.849	4.268.800.000	(13.382.011.668)	272.282.205.181

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. Chứng khoán đầu tư	12.190.889	150.427.500.150	4.580.200.000	(10.062.728.000)	144.944.972.150
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.190.889	150.427.500.150	4.580.200.000	(10.062.728.000)	144.944.972.150
Cổ phiếu (*)	7.290.889	101.202.500.150	-	(6.135.728.000)	95.066.772.150
- Cổ phiếu bị giảm giá/rủi ro	2.444.805	30.989.728.000	-	(6.135.728.000)	24.854.000.000
Chứng chỉ quỹ	4.900.000	49.225.000.000	4.580.200.000	(3.927.000.000)	49.878.200.000
- Chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro	1.500.000	15.225.000.000	-	(3.927.000.000)	11.298.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	15.799.592	288.103.892.499	-	(28.431.500.000)	259.672.392.499
Đầu tư dài hạn khác	15.799.592	288.103.892.499	-	(28.431.500.000)	259.672.392.499
- Đầu tư bị giảm giá/rủi ro	3.172.000	68.234.500.000	-	(28.431.500.000)	39.803.000.000
	27.990.481	438.531.392.649	4.580.200.000	(38.494.228.000)	404.617.364.649

(*) Bao gồm cổ phiếu không niêm yết không có đủ ba (03) báo giá với số tiền là 207.651.109.899 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 70.212.772.150 VND). Các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

(i) Chi tiết danh mục chứng khoán bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

STT	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Giảm so với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
		Đơn vị	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán					
<i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>					
1	CTCP Địa ốc MB	698.400	12.102.129.950	(5.175.000.000)	6.927.129.950
2	CTCP Đầu tư Tài chính Thăng Long	1.000.000	11.640.000.000	(640.000.000)	11.000.000.000
3	CTCP công nghiệp cao su COECCO	492.000	7.380.000.000	(2.460.000.000)	4.920.000.000
4	Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	300.000	6.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000
5	CTCP Nha khoa DETEC	180.000	2.880.000.000	(1.080.000.000)	1.800.000.000
6	CTCP May Nam Định	65.000	1.742.000.000	(1.027.000.000)	715.000.000
7	CTCP Tài chính Dầu Khí PVF	15	177.000	(11.668)	165.332
		2.735.415	41.744.306.950	(13.382.011.668)	28.362.295.282

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư dài hạn của Công ty		
1. Ủy thác đầu tư góp vốn cho Ngân hàng TMCP Quân đội vào Công ty Cổ phần Địa ốc Đất Việt	3.000.000.000	3.000.000.000
2. Ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB	-	269.878.892.499
Đầu tư dài hạn của các đối tác theo Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán		
3. Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội	-	15.225.000.000
	3.000.000.000	288.103.892.499

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(c) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu năm/kỳ	125.877.402.933	140.278.645.422
Hoàn nhập dự phòng trong năm/kỳ (Thuyết minh 22)	(80.607.603.947)	(14.401.242.489)
Phân loại lại	35.989.716.332	-
Số dư cuối năm	81.259.515.318	125.877.402.933

(d) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu năm/kỳ	38.494.228.000	37.878.228.000
Dự phòng trích lập trong năm/kỳ (Thuyết minh 22)	10.877.500.000	616.000.000
Phân loại lại	(35.989.716.332)	-
Số dư cuối năm	13.382.011.668	38.494.228.000

7. Các khoản phải thu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu của khách hàng	1.401.721.755.608	1.408.956.804.593
<i>Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (i)</i>	887.213.929.847	334.522.550.561
<i>Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (ii)</i>	365.479.180.565	893.537.420.897
<i>Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (iii)</i>	83.888.823.105	118.363.858.036
<i>Phải thu các khoản ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư (iv)</i>	20.037.734.448	12.118.315.616
<i>Phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	2.334.650.000	1.886.697.688
<i>Phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ khác</i>	42.767.437.643	48.527.961.795
Trả trước cho người bán	1.531.632.620	1.043.653.953
Các khoản phải thu khác	239.598.731.409	299.478.377.084
<i>Lãi dự thu</i>	191.100.442.805	231.081.043.069
<i>Phải thu khác</i>	48.498.288.604	68.397.334.015
	1.642.852.119.637	1.709.478.835.630

- (i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, các hợp đồng hợp tác kinh doanh mua bán chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 02 ngày đến 06 tháng và có mức thu nhập từ 13%/năm đến 20,5%/năm. Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.
- (ii) Đây là các hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức và cá nhân mà theo đó Công ty thu lợi tức bình quân từ 13%/năm đến 20,02%/năm.
- (iii) Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 02 tháng đến 17 tháng và có mức thu nhập 2,1%/tháng. Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.
- (iv) Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán tại ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên các Trung tâm Giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là 0,04%/ngày tính trên số tiền ứng trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư	132.252.027.956	112.695.245.541
Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	11.162.817.750	5.600.837.424
Dự phòng phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán	82.050.356.161	85.863.432.660
Dự phòng phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ khác	30.979.413.800	23.795.853.800
Dự phòng lãi phải thu	146.230.422.623	162.139.470.842
Dự phòng phải thu khác	12.033.368.844	8.434.724.691
	<u>414.708.407.134</u>	<u>398.529.564.958</u>

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm/kỳ như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	398.529.564.958	398.634.001.367
Sử dụng dự phòng trong năm	(34.158.651.908)	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm/kỳ (Thuyết minh 23)	50.337.494.084	(104.436.409)
Số dư cuối năm	<u>414.708.407.134</u>	<u>398.529.564.958</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	121.588.956	237.207.450
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.215.929.825	784.607.979
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	3.051.143.332	500.084.374
Chi phí trả trước khác	132.020.249	188.474.280
	<u>4.520.682.362</u>	<u>1.710.374.083</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đặt cọc thực hiện hợp đồng mua bất động sản	15.000.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng nhân viên	1.284.614.300	1.398.393.550
Đặt cọc tự doanh chứng khoán	50.000.000	50.000.000
Đặt cọc khác	3.000.000	3.000.000
	<u>16.337.614.300</u>	<u>16.451.393.550</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Năm kết thúc 31/12/2014					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.309.659.400	40.501.991.269	5.126.765.017	3.374.901.651	50.313.317.337
Mua trong năm	-	816.051.381	-	34.375.000	850.426.381
Thanh lý trong năm	-	(423.236.874)	-	(31.927.000)	(455.163.874)
Số dư cuối kỳ	1.309.659.400	40.894.805.776	5.126.765.017	3.377.349.651	50.708.579.844
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	539.192.694	36.470.216.212	2.376.428.946	2.615.855.460	42.001.693.312
Khấu hao trong năm	261.931.884	1.736.456.669	626.800.162	441.322.900	3.066.511.615
Thanh lý trong năm	-	(423.236.874)	-	(31.927.000)	(455.163.874)
Số dư cuối năm	801.124.578	37.783.436.007	3.003.229.108	3.025.251.360	44.613.041.053
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	770.466.706	4.031.775.057	2.750.336.071	759.046.191	8.311.624.025
Số dư cuối năm	508.534.822	3.111.369.769	2.123.535.909	352.098.291	6.095.538.791

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 36.609.684.186 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 34.312.703.657 VND).

Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013

Nguyên giá					
Số dư chuyển giao và số dư cuối kỳ	1.309.659.400	40.501.991.269	5.126.765.017	3.374.901.651	50.313.317.337
Hao mòn lũy kế					
Số dư chuyển giao	517.365.037	36.110.911.815	2.324.195.600	2.536.055.959	41.488.528.411
Khấu hao trong kỳ	21.827.657	359.304.397	52.233.346	79.799.501	513.164.901
Số dư cuối kỳ	539.192.694	36.470.216.212	2.376.428.946	2.615.855.460	42.001.693.312
Giá trị còn lại					
Số dư chuyển giao	792.294.363	4.391.079.454	2.802.569.417	838.845.692	8.824.788.926
Số dư cuối kỳ	508.534.822	3.111.369.769	2.123.535.909	352.098.291	6.095.538.791

12. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc 31/12/2014	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	8.150.151.501
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.308.481.221
Khấu hao trong năm	491.838.999
Số dư cuối năm	7.800.320.220
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	841.670.280
Số dư cuối năm	349.831.281

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 6.482.741.501 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 5.756.731.501 VND).

Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư chuyển giao và cuối kỳ	8.150.151.501
Hao mòn lũy kế	
Số dư chuyển giao	7.233.931.908
Khấu hao trong kỳ	74.549.313
Số dư cuối kỳ	7.308.481.221
Giá trị còn lại	
Số dư chuyển giao	916.219.593
Số dư cuối kỳ	841.670.280

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn		
Số dư đầu kỳ	87.998.583.467	88.408.279.140
Phân bổ trong kỳ	(4.914.806.416)	(409.695.673)
Số dư cuối kỳ	83.083.777.051	87.998.583.467

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.944.040.000	5.607.932.000

15. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	120.000.000	-
Tiền nộp bổ sung	336.433.957	120.000.000
Số dư cuối kỳ	456.433.957	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

16. Vay và nợ ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,25%/năm đến 11%/năm (tại 31/12/2013: không có)

17. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.378.781	376.378.781
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	1.348.571.443	269.441.063
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	706.598.984	295.607.447
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.851.345.154	2.198.461.513
Các loại thuế khác	140.864.767	723.357
	<u>5.047.380.348</u>	<u>2.764.233.380</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước như sau:

	Số dư tại ngày 1/1/2014 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số dư tại ngày 31/12/2014 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	376.378.781	-	-	376.378.781
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	269.441.063	3.854.190.278	(2.775.059.898)	1.348.571.443
Thuế thu nhập cá nhân	2.494.068.960	40.237.185.543	(39.173.310.365)	3.557.944.138
- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	295.607.447	6.725.717.570	(6.314.726.033)	706.598.984
- Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.198.461.513	33.511.467.973	(32.858.584.332)	2.851.345.154
Các loại thuế khác	723.357	502.859.124	(362.717.714)	140.864.767
	<u>2.764.233.380</u>	<u>44.594.234.945</u>	<u>(42.311.087.977)</u>	<u>5.047.380.348</u>

18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự chi cho các khoản nợ ngắn hạn	2.203.730.878	10.733.454.085
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	22.748.597.518	5.061.536.207
	<u>24.952.328.396</u>	<u>15.794.990.292</u>

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	1.825.416.499	1.414.246.268
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5)	548.918.154.100	439.859.565.177
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	435.015.298	365.509.555
Nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán (i)	365.958.141.925	928.315.372.001
	<u>917.136.727.822</u>	<u>1.369.954.693.001</u>

(i) Các khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán có kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng và lãi suất từ 0,18%/tháng đến 0,72%/tháng (31/12/2013: từ 1 đến 3 tháng và 0,19%/tháng đến 0,65%/tháng).

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	483.522.399	362.797.724
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	204.000.749.216	15.064.038.277
	<u>204.484.271.615</u>	<u>15.426.836.001</u>

(i) Bao gồm 200.000.000.000 VND khách hàng nộp tiền đặt cọc thực hiện hợp đồng. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán và trước ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã tắt toán số tiền này cho khách hàng do hai bên quyết định không thực hiện giao dịch như dự kiến.

21. Doanh thu

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	120.456.316.305	6.939.217.629
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	111.363.193.469	5.566.940.279
<i>Cổ tức</i>	20.258.576.324	1.499.918.100
<i>Trái tức</i>	-	225.041.096
<i>Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu</i>	91.104.617.145	3.841.981.083
Doanh thu hoạt động tư vấn	28.480.264.772	751.818.182
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	6.575.651.716	369.576.062
Doanh thu hoạt động cho thuê sử dụng tài sản	3.541.381.503	390.952.444
Doanh thu khác	117.991.916.478	10.963.624.666
<i>Thu lãi tiền gửi</i>	10.772.297.000	2.206.927.828
<i>Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	4.928.080.591	337.497.705
<i>Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán</i>		
<i>và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng</i>	50.538.385.465	481.942.407
<i>Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư thu lợi tức cố định</i>		
<i>và các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư</i>	44.565.757.337	6.062.423.583
<i>Doanh thu khác</i>	7.187.396.085	1.874.833.143
	<u>388.408.724.243</u>	<u>24.982.129.262</u>

22. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí môi giới	21.834.248.558	1.377.193.391
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	79.038.895.008	21.754.173.511
Chi phí hoạt động tư vấn	5.975.615.139	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(14.401.242.489)
(Thuyết minh 6)	(80.607.603.947))
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 6)	10.877.500.000	616.000.000
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	62.153.258.518	6.886.260.852
<i>Lãi trái phiếu</i>	-	2.609.551.267
<i>Lãi tiền nhận của nhà đầu tư liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán</i>	53.594.377.799	3.788.000.014
<i>Lãi tiền vay</i>	2.298.611.112	-
<i>Lãi tiền gửi phải trả nhà đầu tư</i>	6.260.269.607	488.709.571
Chi phí lưu ký chứng khoán	5.484.282.634	299.390.564
Các chi phí trực tiếp khác về kinh doanh chứng khoán	104.159.135.734	5.479.271.903
<i>Chi phí nhân viên</i>	61.563.024.808	2.931.515.362
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	787.564.328	126.059.498
<i>Chi phí phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ</i>	1.321.678.434	123.438.208
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	16.026.156.427	1.085.935.809
<i>Chi phí khác</i>	24.460.711.737	1.212.323.026
	<u>208.915.331.644</u>	<u>22.011.047.732</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nhân viên	30.643.844.737	1.146.960.806
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	1.185.900.026	53.959.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.770.786.286	461.654.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.145.764.897	910.329.237
Thuế, phí và lệ phí	53.129.000	10.219.000
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	50.337.494.084	(104.436.409)
Chi phí khác	7.943.317.631	1.004.086.888
	104.080.236.661	3.482.774.030

24. Thuế thu nhập

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế	75.393.805.285	2.287.039.135
<i>Trừ</i>		
- Thu nhập cố tức không chịu thuế	(20.258.576.324)	(1.499.918.100)
<i>Cộng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	1.386.217.114	48.778.625
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời (i)	(12.108.600.000)	-
Lãi tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước chuyển lỗ	44.412.846.075	835.899.660
Chuyển lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ kỳ trước	(44.412.846.075)	(835.899.660)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại (i x 22%)	(2.663.892.000)	-

Kể từ năm 2011, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất) có phát sinh lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp, theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Khoản lỗ mang sang này được Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (sau hợp nhất) kế thừa.

Số liệu chi tiết liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Giai đoạn phát sinh	Lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ VND	Điều chỉnh trong kỳ VND	Lỗ đã chuyển VND	Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối kỳ VND
Từ 1/1/2011 đến 31/12/2011	620.601.692.606	(61.322.300)	(45.248.745.735)	575.291.624.571
Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012	10.690.533.774	(8.046.915)	-	10.682.486.859
Từ 1/1/2013 đến 06/12/2013	59.222.770.516	-	-	59.222.770.516
	690.514.996.896	(69.369.215)	(45.248.745.735)	645.196.881.946

Số lỗ tính thuế phát sinh năm 2011, 2012 và 2013 tương ứng là: 620.601.692.606 VND, 10.690.533.774 VND và 59.222.770.516 VND đã được Cục thuế Hà Nội xác nhận theo Biên bản thanh tra thuế ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty đã quyết toán thuế tại các Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (trước hợp nhất). Theo Biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 26 tháng 8 năm 2014, số chi phí không hợp lệ đã bị loại ra trong các năm 2011 và 2012 tương ứng là 61.322.300 VND và 8.046.915 VND.

(b) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được rà soát và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với khoản mục liên quan đến lỗ tính thuế phát sinh và việc chuyển lỗ bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và sẽ giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	72.729.913.285	2.287.039.135

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc 31/12/2014	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	122.124.280	62.124.280
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông chuyển đổi từ trái phiếu	-	13.043.479
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	122.124.280	75.167.759

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2014	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	595	30

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày 31/12/2014 VND	Số dư tại ngày 31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng mẹ)		
Tiền gửi thanh toán	439.182.935.353	227.531.247.815
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư	222.878.896.303	427.219.791.461
Tiền thuê văn phòng và tiền điện	-	49.559.730
Phí dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	78.650.000	353.650.000
Ủy thác góp vốn đầu tư dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	-	(15.225.000.000)
Phải trả khác	(356.691.099)	(51.078.517)
Công ty THNN Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Quân đội (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Tiền thuê nhà	(263.814.313)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Góp vốn	5.990.000.000	5.990.000.000
Phải thu tiền cổ tức	299.500.000	-
Nhận tiền gửi giao dịch chứng khoán	(70.468.131)	(1.048.248.475)
Phí quản lý danh mục phải trả	-	(10.000.000)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (Công ty liên kết của Ngân hàng mẹ)		
Phải trả khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	(170.000.000.000)
Lãi vay còn phải trả	-	(624.000.000)
Công ty Cổ phần Địa ốc MB (Công ty con của Ngân hàng mẹ)		
Góp vốn	12.102.129.950	1.752.129.950
Góp vốn theo hợp đồng ủy thác	-	10.350.000.000
Ứng trước phí tư vấn tài chính	(55.000.000)	-

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp)

	Năm kết thúc 31/12/2014 VND	Giai đoạn từ 9/12/2013 đến 31/12/2013 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội <i>(Ngân hàng mẹ)</i>		
Thu lãi tiền gửi	5.483.336.163	464.680.778
Thu phí tư vấn	-	250.000.000
Thu phí quản lý tài sản	5.606.291.133	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	-	(3.146.773.211)
Chi phí đại lý nhận lệnh	(723.672.305)	-
Chi phí thuê văn phòng	(102.000.000)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Thu phí giao dịch chứng khoán	1.721.509.802	291.663.647
Chi phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	(169.542.860)	(57.213.162)
Chi phí lãi vay	(122.500.000)	-
Công ty Cổ phần Địa ốc MB <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Phí tư vấn giá cổ phiếu	100.000.000	-
Chi phí thuê văn phòng	(169.614.000)	-
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản		
Ngân hàng TMCP Quân đội <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Chi phí tiền điện	(587.703.802)	(38.250.293)
Chi phí thuê văn phòng	(4.152.060.448)	-
Phí quản lý tài sản	(45.000.000)	-
Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Quân đội <i>(Công ty liên kết của Ngân hàng mẹ)</i>		
Chi phí trả lãi tiền vay	(16.048.944.444)	-
Công ty cổ phần Việt R.E.M.A.X <i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>	(2.064.365.030)	-
Tiền thuê văn phòng	(43.903.200)	-
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	(2.243.480.277)	(185.254.091)
Ban Kiểm soát		
Thù lao	(80.000.000)	-
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	(1.430.894.644)	(139.033.929)

27. Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Chính sách quản lý rủi ro

Mục đích của Công ty là trở thành một công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường. Do vậy, Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro thị trường;
- rủi ro tín dụng; và
- rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro này như sau.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích độ nhạy cảm như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND, đồng tiền hạch toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, do hầu hết các công cụ tài chính trong năm đều có lãi suất cố định nên độ nhạy cảm với lãi suất là không đáng kể.

<i>Giá trị ghi số</i>	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.890.028.286.187	1.745.092.420.907
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>439.808.241.975</i>	<i>267.738.282.299</i>
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>1.401.721.755.608</i>	<i>1.408.956.804.593</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>48.498.288.604</i>	<i>68.397.334.015</i>
Nợ phải trả tài chính	1.169.958.891.141	943.379.410.278
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>600.000.000.000</i>	-
<i>Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</i>	<i>365.958.141.925</i>	<i>928.315.372.001</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>204.000.749.216</i>	<i>15.064.038.277</i>

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị (khi cần) phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 403.386.233.212 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 17% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ giảm tương ứng 43.275.987.314 VND hoặc tăng tương ứng 28.783.203.109 VND.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu của khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Mức rủi ro tín dụng tối đa được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Không quá hạn và không bị suy giảm	1.498.051.245.347	1.328.541.895.349
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>976.489.503.660</i>	<i>935.792.538.579</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>81.297.065.755</i>	<i>124.891.074.471</i>
<i>Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán</i>	<i>456.433.957</i>	<i>120.000.000</i>
<i>Tiền và tương đương tiền</i>	<i>439.808.241.975</i>	<i>267.738.282.299</i>
Quá hạn và không bị suy giảm	147.402.631.911	136.105.945.189
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>147.402.631.911</i>	<i>136.105.945.189</i>
Quá hạn và bị suy giảm	436.131.285.691	511.645.623.438
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>277.829.620.037</i>	<i>337.058.320.825</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>158.301.665.654</i>	<i>174.587.302.613</i>
	2.081.585.162.949	1.976.293.463.976

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn	600.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000	-
Phải trả người bán	2.511.868.335	2.511.868.335	2.511.868.335	-
Chi phí phải trả	24.952.328.396	24.952.328.396	24.952.328.396	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	917.136.727.822	917.136.727.822	917.136.727.822	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	194.627.660	194.627.660	194.627.660	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	727.941.688	727.941.688	727.941.688	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	204.484.271.615	204.484.271.615	204.484.271.615	-
Phải trả dài hạn khác	477.568.443	477.568.443	-	477.568.443
	1.750.485.333.959	1.750.485.333.959	1.750.007.765.516	477.568.443

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND
Phải trả người bán	1.699.921.881	1.699.921.881	1.699.921.881	-
Chi phí phải trả	15.794.990.292	15.794.990.292	15.794.990.292	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.369.954.693.001	1.369.954.693.001	1.369.954.693.001	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	961.512.981	961.512.981	961.512.981	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	1.901.724.813	1.901.724.813	1.901.724.813	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.426.836.001	15.426.836.001	15.426.836.001	-
Phải trả dài hạn khác	15.254.400.000	15.254.400.000	-	15.254.400.000
	1.420.994.078.969	1.420.994.078.969	1.405.739.678.969	15.254.400.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(d) Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo là các chứng khoán và/hoặc tiền trên tài khoản của nhà đầu tư.

Tổng giá trị của tài sản đảm bảo tương ứng với số dư phải thu của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu tiền gốc các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	991.140.487.400	465.004.724.213
Phải thu tiền lãi từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính, cam kết mua và bán lại chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	50.956.285.684	59.413.291.931
Tài sản đảm bảo	<u>(1.782.516.649.680)</u>	<u>(503.449.601.573)</u>
	<u>(740.419.876.596)</u>	<u>20.968.414.571</u>



28. Thuyết minh công cụ tài chính

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Tại ngày 31/12/2014

	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	Cho vay và phải thu VND	Sẵn sàng để bán VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ VND	
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	989.814.534.602	989.814.534.602	989.814.534.602
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	463.228.852.339	-	-	-	463.228.852.339	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	1.226.612.079.883	-	-	1.226.612.079.883	(*)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	268.013.405.181	-	268.013.405.181	(*)
Tài sản dài hạn khác	-	652.360.545	-	-	652.360.545	(*)
	463.228.852.339	1.227.264.440.428	268.013.405.181	989.814.534.602	2.948.321.232.550	
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	600.000.000.000	600.000.000.000	(*)
Phải trả người bán	-	-	-	2.511.868.335	2.511.868.335	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	24.952.328.396	24.952.328.396	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	917.136.727.822	917.136.727.822	(*)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-	-	194.627.660	194.627.660	(*)
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	727.941.688	727.941.688	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-	204.000.749.216	204.000.749.216	(*)
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	484.285.443	484.285.443	(*)
	-	-	-	1.750.008.528.560	1.750.008.528.560	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31/12/2013

	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	Cho vay và phải thu VND	Sẵn sàng để bán VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ VND	
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	710.568.300.371	710.568.300.371	710.568.300.371
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	106.635.225.499	-	-	-	106.635.225.499	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	1.309.905.616.719	-	-	1.309.905.616.719	(*)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	400.037.164.649	-	400.037.164.649	(*)
Tài sản dài hạn khác	-	364.678.150	-	-	364.678.150	(*)
	106.635.225.499	1.310.270.294.869	400.037.164.649	710.568.300.371	2.527.510.985.388	
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	-	-	-	1.699.921.881	1.699.921.881	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	15.794.990.292	15.794.990.292	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	1.369.954.693.001	1.369.954.693.001	(*)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	-	-	961.512.981	961.512.981	(*)
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	1.901.724.813	1.901.724.813	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-	15.064.038.277	15.064.038.277	(*)
Phải trả dài hạn khác	-	-	-	15.254.400.000	15.254.400.000	(*)
	-	-	-	1.420.631.281.245	1.420.631.281.245	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

29. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dưới 1 năm	9.175.980.683	7.295.248.740
Từ 1-5 năm	25.960.097.809	21.575.940.137
	<u>35.136.078.492</u>	<u>28.871.188.877</u>

Người lập:

Nguyễn Văn Học
Trưởng phòng kế toán

Người kiểm tra:

Chu Hải Công
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

02-02-2015



HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 3726 2600
Fax: +84 4 3726 2601

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 5, Tòa nhà 98 Nguyễn Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: + 84 4 7305 7386
Fax: + 84 4 3569 0257

Chi nhánh Hoàn Kiếm:

14C Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3733 7671
Fax: +84 4 3733 7890

HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng:

Tầng 3, Tòa nhà EVN, số 7B Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: +84 31 382 1886
Fax: +84 31 374 7739

KHU VỰC PHÍA NAM

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 3920 3388
Fax: +84 8 3838 5181

Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ

150 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 7305 7386
Fax: +84 8 3914 0938

Phòng Giao dịch Bắc Sài Gòn

Số 3 Nguyễn Oanh, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3989 4425
Fax: +84 8 3989 4428

